

• BIÊN DỊCH ANH - VIỆT, VIỆT - ANH
• TÌM HIỂU VĂN HÓA VIỆT NAM

CHỦ BIÊN
Hữu Ngọc
Lady Borton

CÂY TRE - BAMBOO



THẾ GIỚI

VIETNAMESE CULTURE
FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

Cây tre

Bamboo

CHỦ BIÊN

HỮU NGỌC - LADY BORTON

THAM KHẢO BIÊN DỊCH

VĂN HÓA VIỆT NAM

Cây tre

THẾ GIỚI PUBLISHERS

Hà Nội - 2008

GENERAL EDITORS

HỮU NGỌC - LADY BORTON

FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

ABOUT VIETNAMESE CULTURE

Bamboo

THẾ GIỚI PUBLISHERS

Hà Nội - 2008

Copyright © 2006 by Thế Giới Publishers

TG: 9815.01 (13. 2. 2006)

Printed in Việt Nam

Thế Giới Publishers would like to acknowledge the following for the use and adaption of their material: Lao Động, Thanh Niên, Nhân Dân, Sài Gòn Tiếp Thị, Hà Nội Mới, Tuổi Trẻ Chủ Nhật, Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy, Xưa và Nay, Phụ Nữ Việt Nam, Tổng cục Du Lịch Việt Nam, Thông Tấn Xã Việt Nam, Việt Nam News, Vietnam Investment Review and Vietnam Economic Times.

Chủ biên (*General Editors*):

Hữu Ngọc, Lady Borton

Hội đồng biên tập (*Editorial Council*):

Hữu Tiến

Ngô Văn Trọng

Ngô Bích Thuận

Trợ lý biên tập (*Assistant Editor*):

Đặng Việt Vinh

MỤC LỤC

Vai trò của cây tre trong văn hóa châu Á	12
Vai trò của cây tre trong văn hóa Việt Nam	18
Vì sao chiếc đòn gánh làm bằng tre lại tượng trưng cho đời sống lao động của người nông dân Việt Nam?	26
Đũa tre được làm như thế nào?	32
Tre trở thành thức ăn như thế nào?	34
Tre được dùng để chữa bệnh như thế nào?	34

CONTENT

What is the role of bamboo in Asian culture?	13
What about the role of bamboo in Vietnamese culture?	19
Why does the shoulder pole made of bamboo represent the working life of Vietnamese peasants?	27
How are bamboo chopsticks made?	33
How can bamboo become a meal?	35
How is bamboo used to treat diseases?	35

- Tre được dùng trong các trò chơi như thế nào?** 38
- Cây tre đóng vai trò quan trọng như thế nào trong ca dao?** 44
- Tre giúp định nghĩa về một ngôi làng truyền thống như thế nào?** 46
- Tre được sử dụng như thế nào trong một ngôi nhà nông dân truyền thống?** 48
- Tre được sử dụng để làm nhạc cụ của người Kinh như thế nào?** 52
- Tre trong một số nhạc cụ đặc biệt của người dân tộc thiểu số Việt Nam** 56
- Nhạc cụ tre được dùng trong lễ nghi tôn giáo và hội hè như thế nào?** 60

How is bamboo used for games?	39
How does bamboo feature in folk ballads?	45
How did bamboo help define a traditional village?	47
How was bamboo used in a traditional peasant house?	49
How is bamboo used for Kinh (ethnic Vietnamese) musical instruments?	53
How does bamboo feature among some special musical instruments of Việt Nam's ethnic minorities?	57
How are bamboo instruments used in religious ceremonies and in festivals?	61

Tre làm đẹp cho cảnh quan đô thị
như thế nào? 66

Tre có vai trò như thế nào trong
truyền thống mỹ thuật Việt Nam? 70

Tre được dùng trong thế giới thời
trang như thế nào? 74

Thánh Gióng trong truyền thuyết
dùng tre đánh giặc ngoại xâm như thế
nào? 74

Vai trò của tre trong lịch sử quân sự
Việt Nam như thế nào? 76

Truyện dân gian nổi tiếng nhất về
tre là gì? 80

TỪ VỰNG 86

How can bamboo enrich the urban landscape?	67
How is bamboo part of Việt Nam's artistic tradition?	71
How is bamboo used in the fashion world?	75
How did legendary Gióng use bamboo to fight foreign invaders?	75
What is the role of bamboo in Vietnamese military history?	77
What is the most popular folk tale about bamboo?	81
GLOSSARY	86

Vai trò của cây tre trong văn hóa châu Á

Các nền văn hóa lúa nước Đông Nam Á có ba hình ảnh quen thuộc là cây lúa, con trâu và cây tre.

Tre là tên gọi chung của các loài họ cỏ cao, giống cây gỗ thuộc nhóm Bambusoideae, họ Poaceae. Tuy các nhà thực vật học đã xác định được trên 75 lớp với 1.000 loài tre song rất nhiều cái tên lại có cùng



nghĩa với nhau. Tre có nhiều loại từ những cây sậy chỉ cao chừng một mét cho đến những cây khổng lồ cao tới 50 mét. Phần lớn tre mọc thẳng, trừ một số loài có dạng thân leo mọc thành khóm dày đặc không thể chui vào được. Tre có thể sống đến cả trăm năm. Tre chỉ ra hoa một lần và sau khi có quả thì chết.

Tạp chí "Văn hóa Á châu" của Nhật Bản coi tre là biểu tượng của tính năng động châu Á. Tuy nhiên, tre còn là một biểu tượng của sự đa dạng văn hóa của châu Á.

Ở Trung Quốc, trúc (loại tre nhỏ, thân mảnh) tượng trưng cho tính cách người quân tử. Các tín đồ Khổng giáo và Lão giáo cố gắng thấm nhuần tinh thần cây tre được biểu hiện bởi dáng đứng thẳng của nó. Ở Triều đại nhà Đường (618-907 sau Công nguyên), người Trung Hoa coi cây tre

What is the role of bamboo in Asian culture?

The wet-rice cultures of Southeast Asia present a trio of familiar images: rice, water buffaloes, and bamboo.

Bamboo is the common name for any of the tall, treelike grasses comprising the



subfamily Bambusoideae of the family Poaceae. Although botanists have identified more than seventy-five genera and a thousand species of bamboo, many names are synonymous. The plants range from stiff reeds about one meter tall to giants reaching fifty meters in height. Most bamboo grows erect, but some varieties appear as vines, producing impenetrable thickets. Bamboo can live as long as a hundred years. The trees flower only once and die after they bear fruit.

Asian Culture, a Japanese magazine, has identified bamboo as a symbol of Asian dynamism. However, bamboo is also a symbol of Asia's cultural diversity.

In China, *cây trúc* (*Dendrocalamus asper*) is a type of small, slender bamboo that represents the character of a gentleman. Confucian and Taoist followers tried to absorb the spirit of the bamboo embodied by the plant's erect stance. During the Tang Dynasty (618-907 A.D.), the

CÂY TRE

giống con rắn và là sự may mắn tốt lành, còn ở Triều đại nhà Tống (960-1279 sau Công nguyên), họa sĩ - nhất là những người theo phái Thiên - xử dụng cây tre là một đề



tài chính để vẽ. Người Trung Hoa lấy sự gắn bó giữa tre đực với tre cái để biểu thị sự hòa thuận và tình nghĩa vợ chồng.

Ở Nhật Bản, bộ ba tre, thông, mận tượng trưng cho sự may mắn tốt lành. Đất đai của Nhật do dung nham núi lửa tạo thành nên có thể trồng các loài tre vừa cứng vừa bóng, rất tốt để sản xuất các đồ thủ công. Thomas Edison, nhà phát minh và khoa học người Mỹ, đã từng dùng tre Kyoto để làm dây tóc bóng đèn điện. Một số người Nhật tin rằng cây tre là hiện thân của thần linh nên thờ tre ở các ngôi đền Thần đạo. Tại một số buổi lễ tôn giáo, người dân địa phương trồng bốn cây tre xanh ở bốn góc sân rộng rồi lấy một sợi thừng quây lại ngăn không cho ma quỷ vào. Nông dân khi tổ chức tế lễ nông nghiệp dùng tre và cỏ sasa để tẩy uế đất. Bên ngoài các ngôi nhà của người Nhật, kể cả ở các thành phố lớn, người ta thường trồng các vườn tre.

Ở Nepal, ngay từ đầu thế kỷ thứ 7, một du khách Trung Hoa thấy người dân ở đây đeo hoa tai bằng tre có hình khắc trang trí. Ngày nay, phụ nữ, con trai, con gái Nepal vẫn đeo hoa tai tre.

BAMBOO

Chinese identified bamboo with snakes and saw it as a sign of good luck, whereas during the Sung Dynasty (960-1279 A.D.), artists - especially Zen followers - used bamboo as a main theme for painting. Chinese have drawn on the closeness between



the male and female bamboo to signify good relations and mutual love between husband and wife.

In Japan, the trio of bamboo, pines, and plum trees represents good luck. Japanese soil, which was formed from lava, grows bamboo species that are hard, shiny, and excellent for manufacturing handicrafts. American inventor and scientist Thomas Edison once used bamboo from Kyoto to make filaments in electric light bulbs. Some Japanese, who believe the plant personifies gods, worship bamboo at Shinto temples. At some religious ceremonies, local residents plant four green bamboo trees at the four corners of a square and link them with a rope to keep out evil spirits. Farmers organizing agricultural ceremonies use bamboo and sasa grass to clean the soil. Bamboo gardens are common outside many Japanese houses, even in big cities.

In Nepal, as early as the seventh

CÂY TRE

Người Nepal làm nhiều đồ thờ cúng bằng tre. Theo truyền thống Phật giáo, vào tháng 6 hoặc tháng 7 hằng năm, con trai dưới 13 tuổi tham gia lễ ăn chay, khi ăn họ phải dùng đũa tre. Các tín đồ Phật giáo và Ấn độ giáo tổ chức một



vài lễ hội của mình trong tháng Kartik (tháng 10-11), khi đó họ treo những ngọn đèn lồng lên các ống tre buộc vào mái nhà.

Ở Philipin người ta dựng cổng tre để đón chào một vị khách đặc biệt. Vào đêm Giáng sinh, họ treo những ngọn đèn lồng làm bằng tre. Họ cũng còn làm các nhạc cụ bằng tre nữa. Thành phố Quezon có một dàn nhạc sinh viên với một trăm nhạc cụ bằng tre. Người Philipin tự hào về một chiếc đàn ống làm toàn bằng tre do một linh mục người Tây Ban Nha làm cách đây 160 năm.

Ở Malaysia tre cũng là vật liệu hay được dùng để làm nhạc cụ, có thể ghép với vỏ quả bầu hoặc sọ dừa. Bè nữa hay được dùng để chuyên chở trên sông. Cây tre cũng xuất hiện trong ca dao tục ngữ. Thí dụ: câu "Như tre trước gió" để chỉ một nhà ngoại giao tài giỏi, tức là vẻ ngoài thì thân thiện nhưng thực tế lại rất cứng rắn. Chúng ta có thể cảm ơn người Malaysia vì từ "bamboo" trong tiếng Anh xuất phát từ từ "bambu" của họ.

BAMBOO

century, a Chinese traveller saw natives wearing bamboo earrings with decorative carvings. Today, Nepalese women, boys, and girls wear bamboo earrings. The Nepalese make many sacred objects from bamboo. According to Buddhist tradition, in the sixth or seventh month of the year, boys under the age of thirteen participate in a vegetarian food ceremony, where they must use bamboo chopsticks. Buddhist and Hindu followers celebrate several of their festivals during the months of Kartik (October and November), when they hang lanterns on bamboo stems tied to the roofs of their houses.

In the Philippines, people build a bamboo gate to welcome a special guest. On Christmas Eve, they hang lanterns made of bamboo. They also make musical instruments from bamboo. Quezon City has a student ensemble with a hundred bamboo instruments. Filipinos are proud of an all-bamboo organ a Spanish priest crafted 160 years ago.

In Malaysia, bamboo is also a popular material for musical instruments, which may incorporate a gourd or coconut shell. Bamboo rafts are common for river transport. Bamboo appears in popular sayings. For example, "Like bamboo before the winds" refers to a good diplomat, that is, someone who may appear friendly but in fact is very tough. We can thank the Malays for the English word "bamboo," which comes from their word, "bambu."

Vai trò của tre trong văn hóa Việt Nam

Cây tre có vai trò trung tâm trong văn hóa Việt Nam, mang hình ảnh phổ biến nhất của Việt Nam. Người Việt Nam nói đất nước mình có hình giống như hai thúng gạo treo ở hai đầu một chiếc đòn gánh. "Hai thúng gạo" ở đây là đồng bằng sông Hồng ở miền Bắc và đồng bằng sông Cửu Long ở miền Nam. "Chiếc đòn gánh" là dãy núi Trường Sơn. Các chiếc thúng, quang và đòn gánh mang hình ảnh này đều được làm bằng tre.



Như là một truyền thống, tre luôn có mặt trong đời sống của người Việt Nam, từ lúc còn nằm nôi cho tới lúc xuống mồ. Em bé mới sinh ở nông thôn thường nằm trong chiếc nôi bằng tre. Nếu mọi chuyện diễn ra êm thấm thì nhiều thập niên sau, người làng của em bé này sẽ gõ nhịp bằng mấy thanh tre trong khi những người khác dùng các đòn tre từ từ hạ quan tài của bậc huynh trưởng này xuống huyệt.

Như là một truyền thống, tre luôn có mặt trong đời sống của người Việt Nam, từ lúc còn nằm nôi cho tới lúc xuống mồ. Em bé mới sinh ở nông thôn thường nằm trong chiếc nôi bằng tre. Nếu mọi chuyện diễn ra êm thấm thì nhiều thập niên sau, người làng của em bé này sẽ gõ nhịp bằng mấy thanh tre trong khi những người khác dùng các đòn tre từ từ hạ quan tài của bậc huynh trưởng này xuống huyệt.

Việt Nam có nhiều loài tre như tre gai, tre mỡ, tre là ngà, trúc, giang, nứa, mai và luồng. Mỗi loài có màu sắc và kích cỡ khác nhau, được dùng

What about the role of bamboo in Vietnamese culture?

Bamboo is so central to Vietnamese culture that it literally "carries" the most common image for the country. Vietnamese say their country is shaped like two rice baskets hung by strings from a shoulder pole.



The "rice baskets" are the Red River Delta in the north and the Mekong Delta in the south. The "carrying pole" is the spine of mountains, the Trường Sơn Range. The baskets, strings, and shoulder pole that "carry" this image are all made from bamboo.

Traditionally, bamboo was omnipresent for Vietnamese from the cradle to the grave. A newborn in the countryside slept in a bamboo cradle. If all went well, many decades later, his fellow villagers would rhythmically beat pieces of bamboo together as other villagers used bamboo poles to lower the elder's coffin slowly into the grave.

Việt Nam has many species of bamboo, including: *Tre gai* (*Bambusa spinosa*, thorny bamboo); *tre mỡ* (*Bambusa vulgaris*, common bamboo); *tre là ngà* (*Bambusa blumeana*, large bamboo); *trúc* (*Bambusa tuldoidea*, Buddha-belly bamboo); *giang* (*Dendrocalamus patellaris*), *nứa* (*Dendrocalamus patellaris* Gamble); *mai* (*Dendrocalamus giganteus*); and *luồng* (*Dendrocalamus membranaceus*). Each

CÂY TRE

cho các mục đích khác nhau. Tính tổng cộng, các loại tre Việt Nam bao phủ khoảng 1,3 triệu hécta.

Cây tre là nét nổi trội nhất của cảnh quan nông thôn Việt Nam. Vào đầu thế kỷ trước, 90% dân cư sống ở nông thôn; hiện nay 80% sống ở các vùng nông thôn. Làng là đơn vị cơ sở trong hệ thống "gia đình - làng xã - nhà nước" của Việt Nam. Mỗi làng, nhất là ở vùng đồng bằng sông Hồng, là cái nôi văn hóa dân tộc của riêng mình và là hòn đảo riêng được ngăn cách với biển lúa bằng lũy tre xanh. Như là một truyền thống, người nông dân vẫn còn gắn bó với mồ mả tổ tiên và hiếm khi đi đâu xa khỏi làng. Ngày nay, mỗi khi về thăm lại bản làng quê hương, lòng người Việt lại rộn lên xúc động khi trông thấy lũy tre quen thuộc.

Cách đây sáu, bảy chục năm, một cuốn sách vỡ lòng cho học sinh lên bảy đã mô tả công dụng của cây tre như sau: "Lá để làm thức ăn cho bò và cho ngựa. Cành làm hàng rào, làm giậu. Cây già làm cột nhà, kèo nhà. Cây non làm thừng, làm lạt. Măng làm thức ăn. Rể làm bàn chải giặt quần áo. Thật là một cây có ích!"

Tuy nhiên, tre (thuộc cây họ cỏ chứ không phải cây gỗ) thậm chí còn có nhiều công dụng hơn thế:

Người nấu bếp vo gạo trong rá tre trước khi đổ



BAMBOO

has a different color and size, and each is used for different purposes. Taken together, the various types of Vietnamese bamboo cover about 1.3 million hectares.

Bamboo is the most dominant feature of Việt Nam's rural landscape. At the beginning of the century, ninety percent of the population lived in the



countryside; now, eighty percent lives in rural areas. The village is a basic unit in the Vietnamese system of "family-village-state." Each village, especially in the Red River Delta, is its own cradle of national culture and is its own island separated from a sea of rice by a bamboo hedge. Traditionally, farmers remained attached to their ancestors' graves and seldom traveled far from their villages. These days, whenever Vietnamese people return to their home villages, their hearts surge with emotion upon seeing the familiar bamboo hedge.

Sixty or seventy years ago, a primer for seven-year-old school children described the uses of bamboo: "The leaves are used as fodder for cows and horses, and the branches are used as hedges. The old trees are used as poles and rafters for houses. The young trees are used to make rope and string. The shoots are used for food. The roots are used for brushing clothes. What a useful tree!"

However, bamboo (which is a grass and not a tree) has even more uses:

Cooks clean rice in a bamboo basket before

gạo vào nồi, rồi khuấy gạo bằng đôi đũa: cả làm bằng tre. Các món ăn có thể bày ra mâm làm bằng tre đan; người ăn dùng đũa tre để ăn, ăn xong dùng tấm tre rửa răng.

Măng tre, món ăn phổ biến của người Việt Nam, thường được làm theo ba cách truyền thống:

- ngâm nước vài ngày rồi nấu với thịt hoặc cá.
- ngâm nước thật lâu cho lên men rồi nấu canh hay xào với thịt hoặc cá.
- phơi khô rồi ninh với thịt gà hoặc thịt lợn.

Món cuối cùng trong ba món trên là món ăn ưa thích vào dịp giỗ chạp hay Tết âm lịch cổ truyền.

Điều cay cho người nông dân những giây phút thư giãn khi họ rít một hơi dài thuốc Lào trồng tại địa phương.

Dân làng dùng tre làm thuốc. Họ nấu nước lá tre với lá hương nhu, bèo tấm và lá sả rồi dùng thứ nước này để xông tắm cho người bị cảm lạnh.

Nước măng non dùng chữa sốt cao, vỏ ngoài ống tre dùng trị chứng trẻ con bị ối mửa.

Tre có thể là loại vật liệu đơn giản nhưng rất tuyệt vời thích hợp cho việc xây dựng trong khí hậu nhiệt đới. Nhà tre luôn mát mẻ, thoáng gió. Ngày xưa, nhà ở nông thôn có khung làm toàn bằng tre, mái tranh, không dùng đến một chiếc đinh kim loại nào. Braudel, nhà sử học người



pouring the rice into a pot, and then they stir the rice with a pair of large bamboo chopsticks. The dishes may be set out on a large tray of woven bamboo; the diners eat with bamboo chopsticks and, after the meal, pick their teeth with bamboo toothpicks.

Bamboo shoots, which are popular in Vietnamese cooking, are traditionally prepared in three ways:

"Soaked in water for some days and then cooked with meat or fish;

"Soaked in water for a long time until they ferment and then cooked in a broth or stir-fried with meat or fish;

"Dried in the sun and then stewed with chicken or pork.

The last of these is a favourite dish at traditional ancestral anniversaries or at the Lunar New Year.

Bamboo smoking pipes give farmers a moment of relaxation when they draw a long breath of *thuốc Lào*, a locally grown tobacco (*Nicotiana rustica*).

Villagers use bamboo for medicine. They boil bamboo leaves with *hương nhu* (holy basil), *bèo tấm* (duckweed), and *sả* (lemon grass) leaves and use the liquid to bathe those suffering from colds. The broth of young shoots is used for treating fever, and the outer covering of the bamboo stems is used to treat children who are vomiting.

Bamboo can be a simple but excellent material suitable for construction a tropical climate. Bamboo houses are cool and have good ventilation. In the old days, rural houses were

Pháp nhận xét là người của văn minh lúa mì ăn nhiều thịt và sử dụng nhiều kim loại, còn người của văn minh lúa nước ăn nhiều rau hơn và sử dụng nhiều tre, gỗ trong xây dựng.

Nông dân dùng tre để làm nông cụ truyền thống như vai cày, vai bừa, gầu tát nước, cán cuốc, v.v... Đi bắt cá thì dùng cần câu và đơm làm bằng tre. Đi săn thì dùng cung, tên và lao làm bằng tre. Chuyên chở trên cạn thì dùng đòn gánh, trên sông nước thì dùng thuyền nan.

Theo truyền thống xưa, nông dân làm đồ đạc như bàn, ghế, giường bằng tre. Đồ vật bằng tre trong nhà còn có quạt, chổi và giá phơi quần áo.

Tre cũng xuất hiện trong rất nhiều trò chơi. Trẻ con chơi khăng dùng một khúc tre dài đánh vào một khúc tre ngắn hơn đi thật xa hoặc làm quay, điều và đu bằng tre. Vào những buổi chiều hè ở thôn quê, được nghe tiếng sáo tre buộc vào cánh điều ngả nghiêng trên trời cao thì quả là thú vị.

Tre còn gắn liền với tôn giáo, tín ngưỡng. Người ta thắp hương để gọi cảnh âm dương. Nén hương có thân làm bằng tre. Ngày Tết Âm lịch, người ta trồng một thân cây tre trên một cái sân rộng và buộc các thứ bùa vào một cái vòng treo lên đầu ngọn cây tre. Các đồ vàng mã thường có khung xương làm bằng tre.

Tre xuất hiện nhiều trong ca dao. Trong văn chương bác học, trúc và mai thường đi cùng nhau như trên thực tế để miêu tả quan hệ gắn bó. Hình ảnh kết hợp này giống với hình ảnh trong một câu tục ngữ Malaysia: "Như lùm tre với bờ sông."

Người Việt Nam có nhiều câu ca dao tục ngữ liên quan đến cây tre. Thí dụ: "Tre già măng

framed entirely of bamboo, with a thatch roof and not a single nail made of metal. French historian Braudel observed that people in wheat cultures eat a lot of meat and use a great deal of metal, but those in rice cultures eat more vegetables and use bamboo and wood in construction.

Farmers rely on bamboo to make traditional farming tools: yokes, water scoops, hoe handles, etc. People fish with bamboo rods and traps. They hunt with bamboo bows, arrows, and spears. They transport on land with bamboo shoulder poles and on water with bamboo boats.

Traditionally, farmers made their furniture - tables, chairs, and beds - from bamboo. Household bamboo utensils included fans, brooms, and racks for drying clothes.

Bamboo also appears in many games. Children use a long bamboo stick to hit a shorter stick as far as possible. They make tops, kites, and swings from bamboo. On summer afternoons in the countryside, it is a great pleasure to hear music from bamboo flutes tied to kites dipping in the sky.

Bamboo also relates to religions and spiritual beliefs. People burn joss-sticks to create a state of yin and yang. The sticks themselves are made from bamboo. At Lunar New Year, people plant a bamboo pole in a large courtyard and hang amulets on a ring tied to the top of the pole. Paper votive objects often have a bamboo skeletal structure.

Bamboo is common in folk verses. In scholarly literature, *trúc* (bamboo) and *mai* (apricot tree) often appear together as they do in

mọc." Cách hiểu có thể nhiều như chính số lượng các loài tre vậy, chẳng hạn: rễ sâu của cây tre già nuôi dưỡng măng non; vòm lá che chở cho măng non giống như thế hệ già phải bảo vệ cho thế hệ trẻ; già đùm bọc trẻ, trẻ kính trọng già; già có trẻ kế tục.

Ôi, thật là một loài cây hữu ích!

Hay, chính xác hơn, thật là một thứ cỏ cây hữu ích!



Vì sao chiếc đòn gánh làm bằng tre lại tượng trưng cho đời sống lao động của người nông dân Việt Nam?

Như Edith Shillue, một người Mỹ vừa mới tới Thành phố Hồ Chí Minh viết một cách hào hứng về ấn tượng của bà về một người phụ nữ bán hàng rong đi ngang qua: "Chị ấy mang trên vai điều lãng mạn nhất của phương Đông - chiếc đòn gánh. Chiếc đòn gánh rún rẩy nhẹ nhàng nghiêng bên nọ qua bên kia khi chị bước ra ngoài ngõ". (Đất và Nước, Nhà xuất bản Đại học Massachusetts, 1997). Các tác giả người Pháp thời thuộc địa thích thú với những điều lạ lẫm ở nước ngoài, thường mô tả những dòng người phụ nữ Việt Nam bước đi trên mặt đê với chiếc đòn gánh nhún nhảy nhịp nhàng.

real life to portray a close relationship. This combined image is similar to that suggested by a Malay saying: "Like clumps of bamboo and a river bank."

Vietnamese have many sayings involving bamboo. One example is: "As the bamboo tree grows older, the shoots grow stronger." The interpretations can be as numerous as the number of bamboo species, including: The deep roots of the old tree will provide food for the young shoots; its foliage will protect the shoots just as the older generation must protect the younger generation; the old protect the young, and the young respect the old; and the old have the young to succeed them.

Ah, what a useful tree!

Or - to be more accurate - what a useful grass!

Why does the shoulder pole made of bamboo represent the working life of Vietnamese peasants?

As a foreigner who had just arrived in Hồ Chí Minh City, American Edith Shillue wrote with excitement about her impression of a woman vendor, who passed her: "She carries the most romantic of Oriental elements, the shoulder pole, and it swings softly from side to side as she makes her way out of the alley." (Earth and Water, University of Massachusetts Press, 1997). French colonial authors, driven by a sense of the exotic, often depicted lines of Vietnamese women walking on the dikes to the rhythmic jounce of their shoulder poles.

Trong tiềm thức chung của người Việt Nam, chiếc đòn gánh gợi lên cuộc sống và công việc hằng ngày của người nông dân truyền thống cũng như niềm vui và đặc biệt là nỗi buồn của họ. Nhất là chiếc đòn gánh gợi lên số phận của người phụ nữ Việt Nam dũng cảm chịu đựng vất vả, hi sinh.

Việt Nam về cơ bản là một đất nước nông nghiệp. Từ thời xa xưa, chiếc đòn gánh của người nông dân tựa như cái mái chèo của người nô lệ chèo thuyền cổ Ga-lê. Tất cả mọi thứ đều được gánh trên vai người nông dân, dù là nam giới hay nữ giới. Đòn gánh đã phần nào tiếp tế cho quân đội Việt Nam trong trận Điện Biên Phủ (1954) vào lúc kết thúc cuộc Kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và cuộc Kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).

Bờ ruộng, đường làng giờ vẫn chẳng chịt ngang dọc khắp các miền quê. Phương tiện thiết thực nhất để vận chuyển lúa dọc theo các con đường hẹp trên cánh đồng là chiếc đòn gánh. Cách đây mấy chục năm, tuy một chiến dịch "giải phóng đôi vai" đã được phát động song đòn gánh vẫn được dùng trong mọi việc, từ sinh hoạt hằng ngày bình thường (như công việc đồng áng hay buôn bán ngoài chợ) cho đến những công việc lớn hơn (như làm đường và đắp đê).

Ở vùng cao, đòn gánh được làm bằng gỗ, còn dưới đồng bằng thì làm bằng tre. Người nông dân cắt từ dưới gốc tre một đoạn dài khoảng 7-9 đốt. Người buôn bán kiêng không dùng đòn gánh có số đốt chẵn vì số đốt chẵn có thể làm cho họ làm ăn thua lỗ. Một số người thậm chí sử dụng đòn gánh có 11 đốt. Người Việt Nam cũng tin

In the collective Vietnamese subconscious, the bamboo shoulder pole evokes the daily life and work of traditional peasants, their joys and especially their sorrows. In particular, the pole evokes the fate of courageous Vietnamese women resigned to hard work and sacrifice.

Việt Nam is essentially an agricultural nation. In ancient times, the shoulder pole was the peasant's equivalent to a galley slave's oar. Everything moved on the shoulders of peasants, whether male or female. Bamboo poles supplied, to a certain extent, the Vietnamese army for the Battle of Điện Biên Phủ (1954) at the end of the War of Resistance Against France (1945-1954) and during the War of Resistance Against the United States (1954-1975).

Paddy field boundaries and village lanes still crisscross the countryside. The most practical means of transporting rice along the narrow paths in the paddy fields is the bamboo shoulder pole. Even though a campaign was launched several decades ago to "liberate the shoulders," the bamboo pole is still used for everything from regular daily activities (such as field work or trading in the markets) to major jobs (such as road construction and dike-building).

Shoulder poles in the highlands are made from wood, while bamboo is used in the plains. Farmers cut poles from the base of a bamboo trunk with between seven and nine nodes. Merchants avoid shoulder poles with an even number of nodes because they may spoil profits. Some people even use poles with eleven nodes. Vietnamese also believe that a crooked or

ràng đòn gánh mà cong queo hay xoắn vặn vẹo sẽ không mang lại may mắn.

Chị em làng Vòng bán cốm (lúa nếp non giã ra rồi rang lên), món quà nổi tiếng của làng trên phố, dùng đòn gánh hai đầu uốn cong như hình dấu chấm hỏi. Người bán hàng rong bán bánh tẻ hoặc bún riêu dùng đòn gánh dài hơn, hai đầu hơi cong gợi lên dải cánh dang rộng của loài hải âu. Chị em bán vải ưa dùng đòn gánh mảnh hơn, ngắn hơn để gánh hai túi nhỏ đựng vải bông hoặc lụa. Người bán gạo chọn loại tre thật cứng để gánh được đôi thúng nặng.

Gánh đôi thúng, mỗi chiếc nặng khoảng 20-30 kilôgam đi trên quãng đường từ 10-20 kilômét mỗi ngày quả là một kỳ công đòi hỏi sức khỏe của lực sĩ. Đó là số phận của người phụ nữ Việt Nam thời xưa. Ngoài công việc đồng áng nặng nhọc, người phụ nữ còn buôn bán nhỏ để phụ thêm vào thu nhập của gia đình. Chiếc đòn gánh và đôi quang không thể tách rời nhau, là hình ảnh của sự chung thủy vợ chồng. Ngày xưa, đàn ông nói chung không làm công việc buôn bán. Người đàn ông có học vấn dành nhiều năm trời chuẩn bị thi đình để ra làm quan thì không có sự lựa chọn nào khác ngoài sự trông chờ vào chiếc đòn gánh của người vợ để sống qua ngày. Và do đó, chiếc đòn gánh cũng đã trở thành biểu tượng cho sự tận tụy của người vợ truyền thống khi một mình phải mang hai gánh nặng của gia đình mình và gia đình nhà chồng.

twisted pole will bring misfortune.

Young women from Vòng Village sell their famous *cốm* (pounded and grilled green rice) in town, using poles with each end curved in the shape of a question mark. Vendors selling rice buns or vermicelli with field crabs use longer poles with slightly curved ends that evoke the outstretched wings of albatrosses. Textile merchants prefer thinner, shorter poles to carry two small bags of cotton or silk. Rice merchants choose tough bamboo to hang their heavy baskets.

Toting two baskets each weighing between twenty and thirty kilos for ten to twenty kilometres every day is a feat of athleticism. That was the fate of Vietnamese women in ancient times. In addition to such heavy field work, they also engaged in petty trade to fill the gap in the family's income. The shoulder pole (*đòn gánh*) and the two suspensions (*đôi quang*) to carry the baskets are inseparable and, therefore, an image of conjugal fidelity. In the old days, men did not generally practice commerce. A man of letters who spent years preparing for the doctoral exams to become a mandarin had no choice but to look to his wife's bamboo pole for survival. And so, the shoulder pole has also become a symbol of the traditional wife's devotion in carrying alone the dual burden of her own family and her husband's family.

Người ta làm đĩa tre như thế nào?

(Một trải nghiệm cá nhân)

Một lần cách đây nhiều năm khi còn nhỏ, tôi học chữ Hán với một ông thầy đồ. Tôi được đặc ân theo ông đi hầu như khắp mọi nơi. Một hôm, ông thầy tôi tới dự một bữa tiệc mừng thọ một cụ tại nhà một gia đình danh giá. Tại bữa tiệc, tôi thấy mười hai đôi đĩa tre đặc biệt. Theo như chủ nhà giải thích, mười hai đôi đĩa tượng trưng cho mười hai tháng và hai mươi tư tiết trời truyền thống trong năm. Những đôi đĩa này đã được truyền từ đời này sang đời sau.

Dùng tre già làm đĩa là tốt nhất. Người thợ thủ công cắt khúc tre thành các thanh dài, mảnh, đem luộc trong nước muối, rồi phơi nắng. Đôi khi, người thợ sơn đĩa màu đỏ, màu nâu, hoặc màu đen, có khi chỉ sơn phần đuôi màu đỏ. Một số loại đĩa có thể có phần đuôi hình vuông có khắc hoa.

Người nông dân cẩn thận chọn tre để làm đĩa và chăm bẵm cây tre sao cho cây ra đốt. Loại măng tre tốt nhất mọc ở giữa khóm vì thân cây mọc thẳng nhất. Hơn nữa, những cây măng bên ngoài bảo vệ những cây măng bên trong khỏi gió mạnh, trâu bò, trẻ con nghịch phá.

Sau khi phát hiện đúng loại măng, cứ hai ngày một lần người trồng tre lại bóc lớp vỏ ngoài, cứ liên tục làm như vậy cho tới khi các cây măng ra nhiều đốt sát nhau và đạt tới độ dài của hai cái đĩa. Sau đó, họ để cho cây măng mọc tự nhiên. Loại tre này được trồng trong 11 năm. Người nông dân chặt tre vào tháng 11, tháng khô nhất trong năm, rồi dùng phần thân bên dưới làm đĩa đặc biệt phù hợp với phong cách ẩm thực Việt Nam.

How are bamboo chopsticks made?

(A personal account)

Once, years ago when I was small, I studied Chinese with a Confucian teacher. It was my privilege to follow him almost everywhere. One day, my teacher attended a party to celebrate an elder's old age at the home of a well-known family. At the party, I saw twelve pairs of special bamboo chopsticks. As the host explained, the chopsticks represented the twelve months and the twenty-four traditional climatic segments of the year. These chopsticks had been passed down from generation to generation.

Old bamboo makes the best chopsticks. The craftsman cuts a piece of bamboo into smaller slats, boils them in salt water, and dries the sticks in the sun. Sometimes, he paints them red, brown, or black, and sometimes paints the ends red. Some chopsticks may have a square end carved with flowery designs.

Farmers carefully choose bamboo for making chopsticks and nurture the plant so that it develops knots. The best bamboo shoot grows in the middle of a clump because these trunks stand straightest. In addition, the outer shoots protect the inner ones from strong winds, cattle, water buffaloes, and children.

After spotting the right bamboo shoots, growers peel off the outer bark every two days, continuing this process until the shoots develop many close knots and reach a length of two chopsticks. Then, they let the shoots grow normally. This type of bamboo grows for eleven years. The farmer cuts the tree down in November, the driest month, and uses its lower trunk to make chopsticks that are specifically suited for Vietnamese cuisine.

Tre trở thành thức ăn như thế nào?

Măng tre bắt đầu nhú ra vào tháng 7 âm lịch. Măng dùng làm các món ăn đơn giản nhưng lạ mắt. Ngay cả những người sành điệu cũng chưa chắc đã dùng thử món ăn dưới đây vì món này không được bán rộng rãi.

Cho một gia đình ba người ăn, đem một cân măng nửa đã bóc vỏ, luộc rồi ngâm nước muối. Luộc măng lại một lần nữa trước khi tước thành những sợi nhỏ. Lấy khoảng ba lạng thịt lợn, đem luộc rồi thái chỉ. Để măng và thịt nguội rồi trộn đều với nhau. Rắc khoảng 30 gam gừng rang đã bỏ vỏ lên trên.

Món này nên ăn với mắm tôm vắt chanh. Dùng loại mắm tôm chất lượng cao: đặc, có màu nâu vàng sẫm. Vắt vài giọt chanh tươi vào mắm tôm rồi khuấy đều cho tới khi sủi bọt trắng. Cắt quả ớt thành các miếng hình thuẫn rồi rải lên trên mắm.

Món này không đắt tiền mà lại ngon. Măng giòn, mát, hơi có vị chua; thịt luộc béo ngậy; gừng rang bùi, thơm; mắm đã pha có vị mặn, chua, cay. Tất cả những vị này cùng với một cốc bia mà bạn ưa thích sẽ là một bữa ăn tuyệt vời.

Tre được dùng để chữa bệnh như thế nào?

Giả sử bạn đang ở vùng nông thôn và bất chợt bị ốm mà bạn lại quên mang theo tân dược. Đừng lo! Bạn hãy nhìn quanh xem nào! Mấy cây tre gần đó có thể giúp bạn khỏi ốm đấy. Người Việt Nam đã lưu truyền những cách chữa trị này

How can bamboo become a meal?

Bamboo trees begin to sprout during the seventh lunar month. These sprouts make simple yet exotic dishes. Even connoisseurs are unlikely to have tried the following dish because it is not widely sold.

For a family of three, take a kilo of white *nứa* sprouts that have been peeled, boiled, and soaked in salt water. Boil the sprouts again before tearing them into small shreds. Take a third of a kilo of pork, boil the meat, and cut it into small threads. Allow the sprouts and pork to cool and then mix them together. Sprinkle about thirty grams of roasted and skinned sesame on top.

This dish should be served with shrimp paste and lemon juice. Use high-quality shrimp paste, which is thick and a dark yellow-brown colour. Squeeze a bit of fresh lemon onto the paste and stir it until a white foam forms. Cut chilies into oblongs and set them atop the paste.

The dish is inexpensive and delicious. The sprouts are crisp, refreshing, and a bit sour; the boiled pork is fatty; the roasted sesame is buttery and fragrant; and the paste mixture is salty, sour, and spicy. All these different tastes plus a glass of your favourite beer make a wonderful meal.

How is bamboo used to treat diseases?

Suppose you are in the countryside and find that you're unexpectedly sick. You forgot to bring any modern medicine. Don't worry! Look around! Some bamboo trees nearby may provide your cure. Vietnamese have passed knowledge about these treatments from generation to generation. They are mentioned here only to

từ đời này sang đời khác. Những cách chữa trị này được đề cập ở đây chỉ để cho thấy người Việt Nam gắn bó với cây tre như thế nào thôi chứ không phải sử dụng cho mục đích y học.

Lá tre non: Uống nước đun sôi với lá tre non rất tốt cho sức khỏe và có thể giúp chữa sốt cao, nhức đầu, ho, mất ngủ, bí tiểu tiện và chảy máu chân răng. Lá còn tươi thì tốt hơn lá đã khô.

Vỏ tre: Người ta dùng phần vỏ cứng nằm bên dưới lớp vỏ xanh bên ngoài cây tre để trị nhức đầu có nôn mửa, động thai, rong kinh và sốt cao do viêm phổi.

Nước tre: Chất nước lỏng bên trong đốt tre cũng là một loại thuốc đặc biệt. Người Việt Nam nướng một đốt tre trên lửa, hứng lấy chất nước lỏng chảy sùi ra rồi cất vào lọ đậy kín. Họ dùng chất này làm thuốc chữa trẻ nhỏ sốt cao có đờm hay do thay đổi thời tiết. Loại thuốc này còn được dùng để ngừa các cơn động kinh mạn tính.

Măng tre: Măng tre không chỉ dùng làm thức ăn mà còn dùng để chữa bệnh tiểu đường, ong đốt và trẻ em mê sảng.

Vỏ xanh ngoài thân tre: Chất bột màu xanh cạo từ vỏ ngoài thân tre được dùng để trị chứng chóng mặt và say nắng.

Rễ tre: Rễ tre là một vị trong bài thuốc chữa mụn nhọt do tiêu hóa và thời tiết không tốt.

Phấn bột tre: Người Việt Nam dùng chất bột màu trắng trong ruột một số thân tre để trị chứng cứng quai hàm và trẻ em co giật do sốt cao.

illustrate how close Vietnamese are to bamboo. The list is not for medical use.

Young bamboo leaves: Drinking water boiled with young bamboo leaves is very good for one's health and can help cure a high fever, headache, coughing, sleeplessness, difficult urination, and bleeding gums. Green leaves give better results than dry ones.

Bark: People use the bark under the green covering of bamboo trees for treating headaches coupled with vomiting, the danger of miscarriage, excessive menstrual bleeding, and high fever due to pneumonia.

Liquid in the internodes: The liquid inside the internodes of bamboo stems is also a special medicine. Vietnamese heat an internode over a fire, collect the liquid that runs out, and keep it in a well-capped bottle. They use this as medicine for children with high fever and phlegm and to treat high fevers that come with changes in the weather. This medicine can also be used to prevent chronic epileptic fits.

Bamboo shoots: These are not only served as food but can also be used for treating diabetes, bee stings, and bad dreams among children.

The green covering of bamboo stems: The green powder that comes from scraping the covering of bamboo stems is good for treating dizziness and overexposure to the sun.

Roots: Bamboo roots are an ingredient in a formula for treating boils due to digestive problems and bad weather.

White Powder: Vietnamese use the white powder inside some bamboo stems to treat stiff jaws and children's spasms from high fever.

Tre được dùng trong các trò chơi như thế nào?

Đánh đu

Đánh đu là một trò chơi truyền thống trong các lễ hội làng quê từ nhiều thế kỷ nay. Đại Việt Sử ký Toàn thư, được viết vào thế kỷ 15, nói rằng: "Trong suốt Triều đại nhà Lý, vào mùa xuân hoặc tháng Giêng Âm lịch, trai gái tụ tập để cùng chơi trò này." Đánh đu phổ biến nhất ở đồng bằng Bắc bộ, nhất là dọc theo đôi bờ con sông Đuống thuộc tỉnh Bắc Ninh. Cư dân ở nhiều làng chung quanh Hà Nội, kể cả cố đô Cổ Loa, cũng dựng cây đu trong các lễ hội mùa xuân.

Dân làng thường dựng cây đu gần đình làng trên một khu vực thường dùng để phơi lúa sau khi thu hoạch. Khu vực này phải đủ rộng để khán giả đứng xem ở cả bốn phía.

Cây đu và các trò chơi kết hợp có nhiều kiểu khác nhau. Tuy nhiên, cây đu phổ biến nhất của người Việt Nam gồm một tấm ván gỗ, chứ không phải là một ghế ngồi. Hai người chơi đứng trên tấm ván, đu bổng trong không trung, thậm chí cao tới cả chục mét, cho tới khi người họ gần như song song với mặt đất. Mục tiêu của họ là một giải thưởng treo trên đỉnh cây đu. Dân làng dùng tre làm khung cây đu. Để làm chỗ bám tay, người ta tìm loại tre thẳng không có đốt; tre phải rộng vừa khít lòng bàn tay. Tấm ván của cây đu phải gần sát mặt đất để người chơi có thể nhảy lên dễ dàng.

Để đảm bảo an toàn, người làm cây đu phải chọn đúng loại tre. Tre non thì yếu, còn tre già thì không dẻo lắm, lại thường hay bị gãy. Đội làm cây đu dùng giấy niêm phong cái khung đã đóng

How is bamboo used for games?

Bamboo Swings

Swings have been a traditional game at village festivals for centuries. *Đại Việt sử ký toàn thư* (A Complete History of Đại Việt), which was written in the fifteenth century, states: "During the Lý Dynasty, in the spring or the first lunar month, boys and girls get together and play this game." The game is most popular in the Northern Delta, especially along the banks of the Đuống River in Bắc Ninh Province. Residents in many villages around Hà Nội, including the ancient capital of Cổ Loa, also set up swings during spring festivals.

Villagers usually build their swings near the communal house on an area used for drying harvested rice paddy. The area should be large enough for spectators on all four sides.

Swings and the associated games come in many variations. However, the most common Vietnamese swings involve a wooden platform, not a seat. Two people stand on the platform and swing high in the air, even tens of meters, until their bodies are almost parallel to the ground. Their goal is a prize hanging from the top of the swing's frame. Villagers use bamboo to make the frame. To make the handles, they gather straight bamboo without knots; the bamboo must be wide enough to fit a person's palm. The swing's platform must be close enough to the ground that players can jump on easily.

To ensure safety, builders must choose the right bamboo. Young bamboo is weak, while old bamboo is less elastic and tends to break. The construction team seals the completed frame with paper and

xong rồi mời một vị bô lão trong làng kiểm tra chất lượng. Nếu khung đạt tiêu chuẩn của cụ thì cụ sẽ bóc giấy niêm phong. Liền đó, người đánh trống sẽ nổi lên một hồi. Vị bô lão chấp hai tay trước ngực rồi vái dân làng. Sau đó, thay mặt dân làng, cụ sẽ khai trò.

Người chơi ăn mặc đẹp. Con trai thắt dây lưng đỏ, con gái thắt dây lưng xanh nhạt bên ngoài tấm áo tứ thân và đội khăn trùm đầu để tóc không bị xổ ra. Thường thì một nam và một nữ sẽ đu cùng nhau.

Đầu tiên, hai người bước lên tấm ván và đứng đối diện với nhau. Sau đó, hai người cùng nhún chân lên mặt ván và gập đầu gối lại. Dần dần, tấm ván bắt đầu rung đưa như quả lắc đồng hồ. Họ càng nhún mạnh thì đu càng bay cao, như một bài thơ của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương ở thế kỷ thứ 19 đã mô tả:

*Trai đu gối hạc khom khom cật
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc duỗi song song*

Khi đu bay cao nhất hai người gần như nằm chồng lên nhau. Đám đông reo hò vui thích. Ngay khi hai người bay lên điểm cao nhất, một trong hai người sẽ vươn tay ra cố giật lấy giải thưởng. Phần này của trò chơi đòi hỏi cả hai phải bình tĩnh, khéo léo và hành động phối hợp với nhau. Hai người sẽ thua cuộc nếu làm rơi giải thưởng. Đám đông cũng lo lắng không kém, hi vọng hai người giành được giải, như là một phần thưởng cho những ngày dài tập luyện.

Người hay bị chóng mặt không được chơi đu.

invites an elderly villager to check it for quality. If the frame meets the elder's standards, he will remove the seal. With that, a drummer sets up a beat. The elder clasps both hands in front of his chest and bows to his fellow villagers. Then, on behalf of the community, he opens the game.

Players dress smartly. Boys wear red purse-belts, whereas girls wear greenish purse-belts over traditional four-panel dresses (tứ thân) and headscarves so their hair doesn't come loose. Often a boy and girl will swing together.

First, the couple steps onto the swing platform and stands face to face. Then the two press their feet against the platform floor and bend their knees. Gradually, the platform begins to swing like a pendulum. The harder the two press, the higher the swing flies, as described in a poem by the nineteenth-century woman poet Hồ Xuân Hương:

The boy bends his knees

The girl bends her back

The four red panels of her skirt fly in the air

Two parallel lines of stretched legs.

At the height of their swinging, the two almost lie on top of one another. The crowd cheers. As soon as the couple reaches the highest point, one of the two will stretch out a hand and try to snatch the prize. This part of the game requires that both players be calm, clever, and act as a team. They lose if they drop the prize. The crowd is just as anxious, hoping the couple secures the prize as a reward for long days of practice.

This type of swinging is not for those prone to dizziness!

Chơi chuyền

Đây là trò chơi của con gái, giống như trò nhặt que ở phương Tây. Trò chơi gồm 10 que tre mảnh, vót tròn và một quả bóng, thường là quả vả, quả cà nhỏ, một hòn đá nhỏ, hoặc một cục đất sét. Người chơi tung quả bóng lên không trung. Khi bóng đang lưng chừng trong không trung người chơi phải nhặt que lên rồi bắt lấy bóng.

Người chơi thường ngâm nga một bài nói vần không có nghĩa: "Cái mốt... Cái mai... Cái cò... Sò mặng... Thằng chằng... Con chít... Ngắm nga... Ngắm nguyệt... Chuột chít... Sang bàn đôi..."

Ở vòng một, người chơi nhặt từng que một. Sang vòng sau, bốc hai que một lúc, cứ như vậy cho đến vòng mười bốc mười que. ở những vòng này chỉ được dùng một tay để bốc que, cô gái vừa bốc que, bắt bóng vừa ngâm bài vần. Lúc này, gương mặt cô đỏ bừng, hai mắt căng thẳng khi chơi trước mặt các bạn.

Đỉnh điểm của trò chơi là vòng cuối cùng, sôi động nhất, phải bốc một túm cả mười que. Trong vòng này, người chơi tung bóng rồi chuyền bó que từ tay này sang tay kia. Cô phải liên tục xoay bó que, đầu tiên là một vòng, sau đó là hai, ba, rồi thậm chí nhiều vòng hơn nữa trước khi bắt bóng.

Hai bàn tay của một cô gái chơi chuyền mở ra rồi khép lại như những cánh bướm nhỏ, lanh lẹ. Cô sẽ mất lượt, trò chơi sẽ chuyển cho cô gái tiếp theo nếu tay cô không nhanh, mắt không tinh hay không phối hợp được cả hai.

Chơi chuyền làm cho ấm người, lại rất vui nữa. Vào mùa hè hoặc mùa thu, các cô gái chơi chuyền khắp nơi, dưới bóng cây đa làng hay ở cái quây chợ bỏ không.

Bamboo Jacks

This girls' game (chơi chuyền) is akin to Western pick-up-sticks. It includes ten thin, sharpened, round bamboo sticks and a ball, which traditionally is a fig, a miniature variety of eggplant, a small rock, or a clod of clay. The player tosses the ball into the air. While the ball is mid-air, she must pick up the sticks and then catch the ball.

Players often recite a singsong nonsense rhyme: "Cái mốt... Cái mai... Cái cò... Sò mắng... Thằng chằng... Con chít... Ngắm nga... Ngắm nguyệt... Chuột chít... Sang bàn đôi..."

In the first round, the player picks up the sticks one by one. Next, she gathers two sticks at a time, and so forth up to ten. During these steps, she plays with only one hand. The girl picks up sticks and catches the ball while reciting the rhyme. Meanwhile, her face reddens and her eyes become intense as she performs in front of her friends.

The peak of the game is the last, most animated step with all ten sticks in a bundle. During this step, the player tosses the ball and transfers (chuyển) the pack of sticks from one hand to the other. She must successively switch the bundle, first once, then twice, then three, or even more times before catching the ball.

The hands of a girl playing *chuyển* open and close like small, nimble butterflies. The player will lose her turn and the game will pass to the next girl if her hands are not swift, if her eyes are not sharp, or if she fails to coordinate the two.

Playing *chuyển* warms up the body and creates a lot of fun. During summer or autumn, small girls play it everywhere, from the shade of a village banyan tree to a deserted market stall.

Cây tre đóng vai trò quan trọng như thế nào trong ca dao?

Vì tre phổ biến nên xuất hiện rất thường xuyên trong các câu ca dao đã có hàng thế kỷ. Dưới đây là một số thí dụ.

Tre trong ca dao về chuyện tỏ tình trai gái:

Trúc xinh trúc mọc bên đình

Em xinh em đứng một mình cũng xinh

Hoặc:

Đêm trăng anh mới hỏi nàng

Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?

Đan sàng thiếp cũng xin vâng

Tre vừa đủ lá, non chăng hỡi chàng?

Tre trong câu ca dao về một cây cầu:

Cầu tre ai bắc gập ghềnh

Cô em đi khéo kéo ngã lấm mình ai thương!

Tre trong câu ca dao về tình yêu mong ngóng đợi chờ:

Thiếp xa chàng như rồng xa mây

Như con chèo bẻo xa cây măng vôi.

Tre trong câu ca dao về ẩm thực:

Miệng ăn măng trúc măng mai

Những giang cùng nửa lấy ai bạn cùng.

How does bamboo feature in folk ballads?

Bamboo is so popular that it appears quite often in century-old verses. The following are some examples.

Bamboo in Folk Verses about Courting:

*Beautiful bamboo grows by the communal house
Your beauty makes you stand apart from
other beauties.*

Or:

*On a moonlit evening, he asked the young
woman:*

*The new bamboo has enough leaves; should
we weave a basket?*

*I'll agree to weave the basket with you
The bamboo has enough leaves; is it still young?*

Bamboo in a Folk Verse about a Bridge:

*The bamboo bridge is so uneven
Be careful, lass, or you'll fall in and get dirty!*

Bamboo in a Verse about Longing Love:

*I miss you the way a dragon misses its cloud
The way a chèo bẻo bird misses its bamboo shoot.*

Bamboo in a Folk Verse about Food:

*I eat trúc shoots and mai shoots
But also think of bamboo as my friend.*

Tre giúp định nghĩa về một ngôi làng truyền thống như thế nào?

Theo nghiên cứu khảo cổ học thì người Kinh rời hang động xuống vùng trung du và đồng bằng sông Hồng ngày nay để sinh sống vào thiên niên kỷ thứ 2 trước Công nguyên. Họ định cư tại các trại nhỏ gần sông. Để tránh thú dữ, họ làm rào tre quanh trại. Sau đó họ đào hào chung quanh hàng rào tre để bảo vệ vững chắc hơn. Chính những ngôi làng bé xíu này đã trở thành những ổ kháng chiến đầu tiên chống lại quân xâm lăng đến từ phương Bắc và phương Nam. Sau này, trong suốt nửa cuối thế kỷ 20, dân làng đã sử dụng các hàng rào tre này để chống lại bọn thực dân và đế quốc.

Theo truyền thống xa xưa thì các ngôi làng mới ở Việt Nam hình thành là do dân số phát triển, việc mở mang làng được giới hạn bởi diện tích trồng trọt và vị trí của các ngôi làng chung quanh. Khi một ngôi làng đạt đến giới hạn thì một số gia đình sẽ rời khỏi "hàng rào tre" để xây dựng một nơi ở mới gần làng cũ. Những nơi ở mới này thường được gọi là trại, nghĩa là "nhà mới" hoặc "nơi ở mới". Khi số hộ trong trại tăng lên thì đổi tên thành "xóm trại" nghĩa là có nhiều ngôi nhà mới.

Cư dân mới chuyển tới sẽ trồng hàng rào bằng loại tre có gai chung quanh nơi ở mới, đắp lũy, đào hào bên trong hàng rào để đề phòng trộm cướp, lũ lụt và bão tố. Họ cũng dùng tre của hàng rào để làm vật dụng trong gia đình và đồ thủ công.

How did bamboo help define a traditional village?

According to archaeological research, the Kinh (ethnic Vietnamese) people left their caves for the midlands and the present Red River Delta in the second millennium B.C. They settled in small encampments close to the river. To protect themselves from wild animals, they encircled their encampments with bamboo hedges. Then they dug trenches around the bamboo hedges for further protection. These same tiny villages became the first nests of resistance against invaders from the north and the south. Later, during the last half of the twentieth century, villagers used these hedges against the colonists and imperialists.

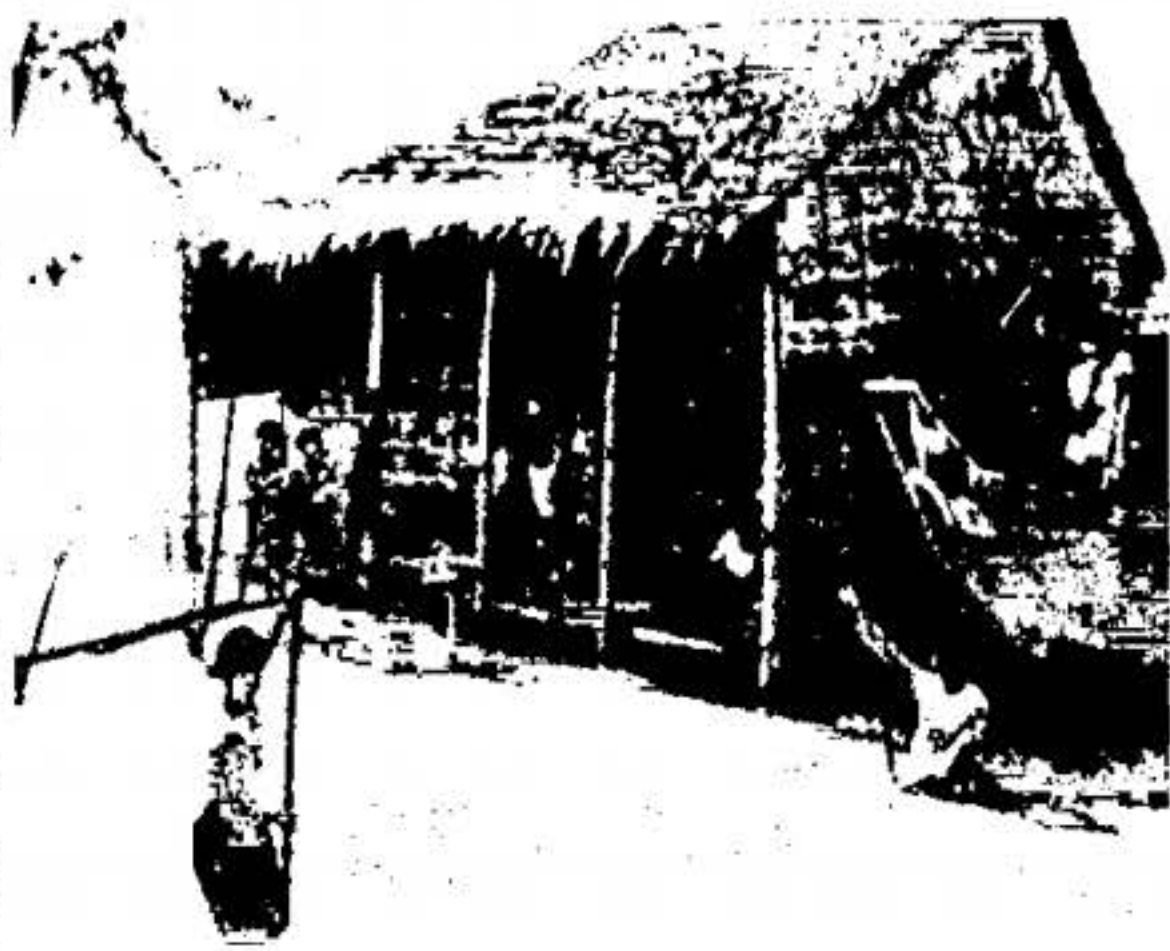
Traditionally, the formation of new villages in Việt Nam resulted from population growth, with expansion limited by the amount of arable land and the location of surrounding villages. When a village reached its limit, a number of families would leave the "bamboo hedge" to build a new settlement near the original village. Such new settlements were usually called *trại*, meaning "new house" or "new settlement." As the number of households in the *trại* increased, the name changed to "xóm trại" to indicate there were several new houses.

The newly moved residents would plant hedges of thorny bamboo around their new site and dig earthen ramparts or trenches inside the fence to protect against bandits, floods, and typhoons. Villagers also used bamboo from the hedges to make household utensils and handicrafts.

Tre được sử dụng như thế nào trong một ngôi nhà nông dân truyền thống?

Trong nhiều thế kỷ, làm nhà với khung tre là điển hình của kiến trúc dân dã Việt Nam. Những ngôi nhà truyền thống này, gọi là "nhà tranh vách đất" là cảnh thường thấy ở nông thôn Việt Nam. Các gia đình sử dụng sân trước nhà để phơi phóng thóc lúa ngô khoai vào ban ngày và sinh hoạt gia đình vào chiều tối. Bao quanh nhà là vườn rau cây trái. Hàng rào và cổng rất phổ biến ở nhiều vùng, và không phải là chỉ dành riêng cho người khá giả. Khóm tre xanh, hàng rào hoa dâm bụt, tường làm bằng đất nhẹ hoặc gạch nung kết hợp lại tạo nên vẻ duyên dáng của làng quê Việt Nam.

Tuy miền Nam Việt Nam cũng có tre, nhưng tre có nhiều hơn ở miền Bắc và miền Trung, nơi người dân địa phương thường dùng tre làm vật



liệu xây dựng. Trước đây, các ngôi nhà khung tre, mái tranh rất phổ biến. Tuy nhiên, kiểu cấu trúc này không chịu được những trận bão lớn thường hàng năm tàn phá miền Bắc. Cấu trúc khung tre truyền thống không sánh nổi với nhà bằng gạch và đá, và đã được thay thế kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới vào cuối những năm 1980.

Một ngôi nhà tre truyền thống có hình chữ nhật và mái dốc tạo thành hình tam giác đều. Nhà lớn

How was bamboo used in a traditional peasant house?

For centuries, houses made with bamboo frames were typical of Việt Nam's popular architecture. These traditional buildings, known as "thatched houses with earthen walls," were a common sight in the Vietnamese countryside. Families used the courtyard in front of the house for drying their crops during the day and for family living in the late afternoon. A garden and orchard surrounded the house. Hedges and gates were common in many regions and not just reserved for the well-to-do. The groves of green bamboo, the hedges with hibiscus flowers, and the walls built with light earth or baked bricks combined to create the grace of Vietnamese villages.

Although bamboo is found in southern Việt Nam, it is more common in the northern and central regions, where local people often used it for construction materials. In the past, houses with bamboo frames and thatched roofs were typical. However, these structures do not stand up well against the typhoons that annually lash the northern part of Việt Nam. Traditional bamboo-frame structures are no match for the brick and stone houses that have replaced them since Renewal began in the late 1980s.

A traditional bamboo house was a rectangle, and the roof was at a pitch to create an equilateral triangle. Larger houses were divided into rooms with extra roof beams. Farmers used whole bamboo trunks for the pillars. The male bamboo, which has a solid trunk, was particularly appropriate for pillars,

hơn được chia thành nhiều gian có thêm vì kèo. Người nông dân dùng tre nguyên cây làm cột nhà. Cây tre đực có thân đặc rất phù hợp để làm cột nhà, được người nông dân đóng xuống đất để gia cố cho cấu trúc. Tre có đường kính lớn cũng được dùng làm vì kèo và sòng mái nhà.

Người nông dân cắt những cây tre nhỏ hơn làm rui. Ngày xưa, họ buộc rui vào sòng mái và vì kèo bằng thùng tre hoặc lạt ngâm nước cho dẻo dai. Họ ghép ván lót vào rui để đỡ mái tranh. Rơm, cói, lá mía hoặc lá gồi là vật liệu chính để lợp mái.

Việc xây tường trong và tường ngoài của nhà truyền thống ở mỗi vùng mỗi khác. Người nông dân thường xây tường trên một bộ cốt gọi là mâm trī gồm những thân tre già làm trụ rồi buộc những thanh tre ngang tạo thành mắt cáo. Họ đào đất sét rồi nhào với rơm và nước. Sau vài tháng ủ đất, họ lấy đất ra cho trâu đầm. Sau đó dùng thứ đất hỗn tạp nhều nhều này trét vào các mắt cáo. Khi vách đã khô, họ dùng đất sét hòa nước xoa đều lên bề mặt vách để cho vách thật nhẵn. Vách mâm trī hai lớp có khoảng trống không khí ở giữa có thể cách nhiệt.

Tre sinh sôi phát triển trong khí hậu ẩm ướt ở Việt Nam, nhưng mỗi cũng vậy. Tuy nhiên, từ xa xưa người Việt Nam đã dùng một phương pháp trị mối và mục nát đơn giản mà hiệu quả. Họ ngâm tre tươi dưới ao cá, đôi khi hàng năm, nhưng ít nhất cũng phải sáu tháng. Sau khi ngâm cây tre cứng như thép. Cột nhà làm bằng tre ngâm có thể bền trong một thế hệ, trong khi khung gỗ có thể bền trong vài thế hệ.

Theo truyền thống, tre cũng được sử dụng cho các cấu trúc lớn hơn. Vào cuối thế kỷ 19, Cha Trần Lục trông coi việc xây dựng Nhà thờ Phát

BAMBOO

which the farmers set in the earth to strengthen the structure. Bamboo with a sizable diameter was also used for beams and the ridgepole.

Farmers cut smaller bamboo for rafters. In ancient times, they lashed the rafters to the ridgepole and beams with bamboo rope and string that had been soaked in water for flexibility. They attached battens to the rafters in order to support the thatch. Straw, rushes, or leaves from sugar cane or palm trees were the main roofing materials.

Construction of outer and inner walls in traditional homes differed from region to region. Farmers usually built the walls on a frame called a *mâm trĩ* by setting old bamboo trees as posts and then attaching bamboo horizontally to create a trellis. They dug clay, which they mixed with straw and water. After storing the clay for some months, they brought it out for the buffaloes to trample. Then they used the malleable mixture to fill the trellis holes. When these walls were dry, they spread a clay and water mixture on the surface to make it smooth. The *mâm trĩ*'s two layers with an air space between provided insulation.

Bamboo thrives in Việt Nam's humid climate, but so do termites. However, since time immemorial, the Vietnamese have employed a simple, practical remedy for termites and rot. They soak fresh bamboo in their fish ponds, sometimes for years, but at least for six months. After soaking, the bamboo becomes as hard as steel. Bamboo building poles that have been soaked typically last a generation, whereas wood frames may last several generations.

Bamboo was also traditionally used for larger structures. At the end of the nineteenth century,

Diêm ở Tỉnh Ninh Bình trên một khu đầm lầy tạo thành từ đất phù sa. Thợ xây dùng hàng nghìn cọc tre để gia cố nền móng. Sau đó họ thêm một hỗn hợp đá đập nhỏ và đất lên trên lớp tre, rồi lại thêm một lớp tre nữa trước khi hoàn tất bằng một lớp đất đá đập nhỏ cuối cùng. Thậm chí ngày nay khi xây nhà trên nền đất yếu người ta vẫn dùng các thân cây tre để chống đỡ tường.

Cùng với việc hiện đại hóa, tre đã trở thành một loại vật liệu thời trang. Các nhà máy ở Việt Nam sử dụng biện pháp xử lý hiện đại để sản xuất tấm sàn tre thật hấp dẫn và các loại vật liệu khác để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

Tre được sử dụng để làm nhạc cụ của người Kinh như thế nào?

Không ai biết từ bao giờ người Việt Nam bắt đầu dùng tre để làm nhạc cụ. Đầu mỗi quan trọng nhất là việc phát hiện ra trống đồng Đông Sơn ba nghìn năm tuổi có khắc họa hình người Kinh đang ca hát nhảy múa với nhiều loại nhạc cụ trong tay. Một trong những nhạc cụ đó là chiếc khèn, loại ống sáo bằng tre mà ngày nay người Việt Nam vẫn sử dụng.

Có hai công trình nghiên cứu đáng chú ý - **Nhạc khí truyền thống Việt Nam** của Lê Huy xuất bản năm 1994 và **Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam** của giáo sư Tô Ngọc Thanh xuất bản năm 1995. Hai công trình này

Father Trần Lục oversaw the building of Phát Diệm Church in Ninh Bình Province on a marshy area formed by alluvial soil. Builders used thousands of bamboo poles to reinforce the foundation. Then they added a mixture of battered stone and earth on top of the bamboo followed by another layer of bamboo before finishing with a final layer of battered stone and earth. Even today, people who build houses on weak soil often use bamboo trunks to support the walls.

With modernization, bamboo has become stylish. Vietnamese factories employ modern treatments to produce attractive bamboo flooring and other materials for domestic use and export.

How is bamboo used for Kinh (ethnic Vietnamese) musical instruments?

No one knows when the Vietnamese people started to create musical instruments from bamboo. The most significant clue came with the discovery of the 3000-year-old Đông Sơn bronze drums, which show Kinh people singing and dancing with a variety of musical instruments in their hands. One of those instruments is the *khèn*, the bamboo panpipe that Vietnamese still use today.

Two noteworthy studies - *Vietnamese Traditional Music* published by Lê Huy in 1994 and *Introduction to Some Musical Instruments of Việt Nam's Ethnic Minorities* published by

cho ta một sự hiểu biết toàn diện về âm nhạc truyền thống Việt Nam và giới thiệu hơn 150 loại nhạc cụ Việt Nam mà có rất nhiều loại được làm từ tre.

Tre thì rất sẵn có, cứng, bền mà lại dẻo dai. Do đó tre là nguyên liệu lý tưởng để làm nhạc cụ. Hơn nữa, tre còn có chất nhạc riêng. Người biểu diễn có thể tạo ra một thang âm đầy hấp dẫn với khèn và sáo. Trong lịch sử, người Kinh cũng dùng sáo để giao tiếp giữa hai người, trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, và trong các lễ nghi tôn giáo nữa.

Người Kinh chơi độc tấu hoặc chơi cùng dàn nhạc nhỏ và sử dụng cả bốn nhóm nhạc cụ truyền thống: bộ



dây, bộ hơi, bộ trống và bộ gõ. Dàn nhạc chèo, một hình thức sân khấu truyền thống ở đồng bằng Sông Hồng, có một cây sáo ngang, một cây đàn hồ, một cây đàn tam, một cái trống nhỏ mặt da. Các dàn nhạc chèo ngày nay còn có cả đàn nguyệt, đàn thập lục, đàn bầu.

Dàn nhạc tuồng, một hình thức sân khấu cổ điển truyền thống ở các tỉnh miền Trung và miền Nam, gồm một cây sáo ngang, một cây kèn ô bo nhỏ, một cây kèn ô bo lớn, một cây đàn hồ, một cây đàn nhị, một cây đàn tam và ba loại trống là trống bông, trống chiến và trống khan.

Prof. Tô Ngọc Thanh in 1995 - offer a comprehensive understanding of traditional music in Việt Nam and introduce more than 150 Vietnamese instruments, many of which are made from bamboo.

Bamboo is abundantly available, hard, durable, and flexible. This makes it ideal for musical instruments. In addition, bamboo has its own musicality. Performers can produce an enchanting scale with bamboo panpipes and flutes. Historically, the Kinh also used flutes for communication between two people, for communal cultural activities, and for religious ceremonies.

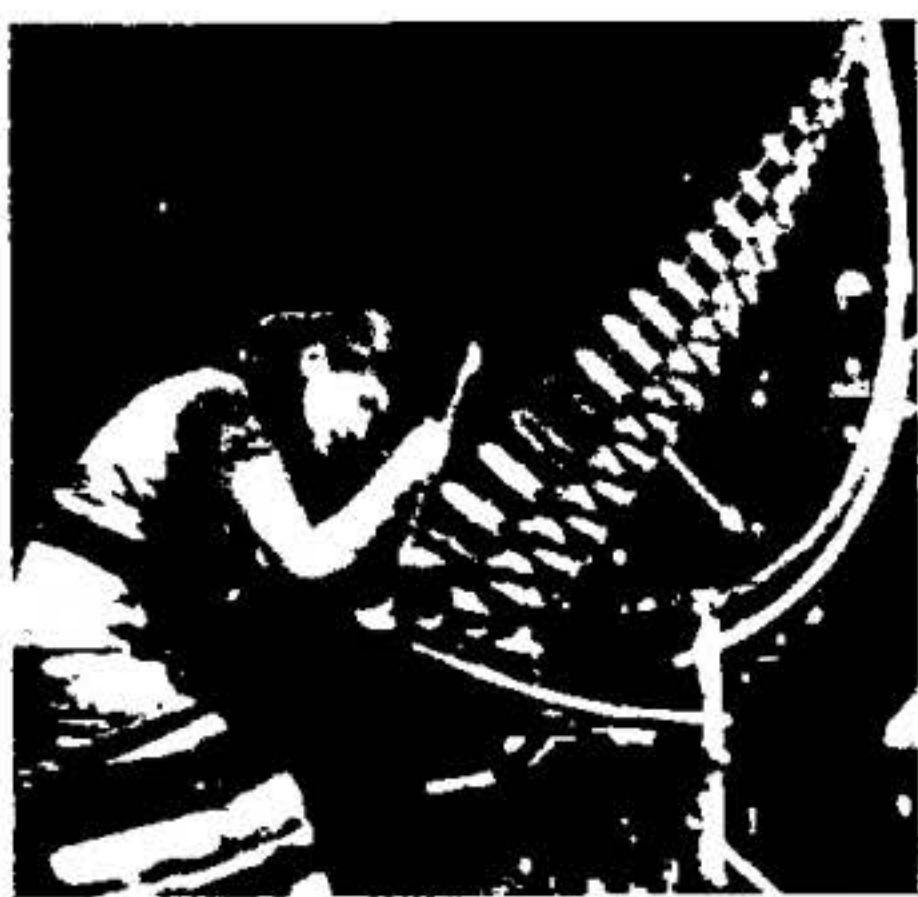
The Kinh play solo or in small ensembles and use all four groups of traditional musical instruments: chordophones (strings), aerophones (wind), membranophones (drums), and idiophones (percussion). The orchestra for *chèo*, a traditional theater popular in the Red River Delta, has a side-blown flute, a two-stringed viola, a trichord, and a small leather-headed drum. Today's orchestras also include the moon-shaped lute, 16-string zither, and the monochord.

The orchestra for *tuồng*, a traditional classical theater in the central and southern provinces, includes a side-blown flute, a small oboe, a large oboe, a two-stringed viola, a two-stringed violin, a trichord, and three types of drums: the *bồng*, the *chiến*, and *khan*.

Tre trong một số nhạc cụ đặc biệt của người dân tộc thiểu số Việt Nam

Việt Nam có năm mươi tư dân tộc, trong đó người Kinh chiếm khoảng tám mươi lăm phần trăm dân số. Mỗi dân tộc có ngôn ngữ và văn hóa riêng, kể cả âm nhạc.

Dân tộc Môn-Khmer sống trên dãy Trường Sơn và Tây Nguyên chơi cả bốn nhóm nhạc cụ. Bộ gõ của họ gồm rất nhiều loại mõ, chiêng đồng, chũm chọe, chuông gió làm bằng những



thanh tre mỏng, đàn đá từ thời tiền sử, đàn t'rưng làm bằng các ống tre. Bộ trống của người Môn-Khmer làm bằng da kéo căng bên trên bầu âm bằng gỗ có kích thước nhỏ hơn so với bộ trống của người lán giềng Nam Á. Bộ hơi gồm klông-pút, các loại kèn môi, tù và thổi ngang, sáo, sáo ngang. Người Môn-Khmer chơi nhạc cụ bộ dây bằng ngón tay hoặc dùng vĩ.

Người dân tộc Mường có truyền thống âm nhạc phong phú và rất nhiều loại nhạc cụ. Nhạc cụ của người Mường gồm có sáo ngang, khèn, kèn ô bo, đàn hồ, chuông đồng, trống đồng, nhạc cụ gỗ. Người Mường chơi độc tấu nhạc cụ hoặc chơi đệm cho hát hò, nhảy múa dưới ba kiểu dàn nhạc. Dàn nhạc đầu tiên có một cây sáo ngang, khèn, kèn ô bo, đàn hồ, ba cái chiêng, một cái trống đồng, dùng để chơi vào các ngày lễ hội, đặc biệt là Tết Âm lịch. Dàn

What does bamboo feature among some special musical instruments of Việt Nam's ethnic minorities?

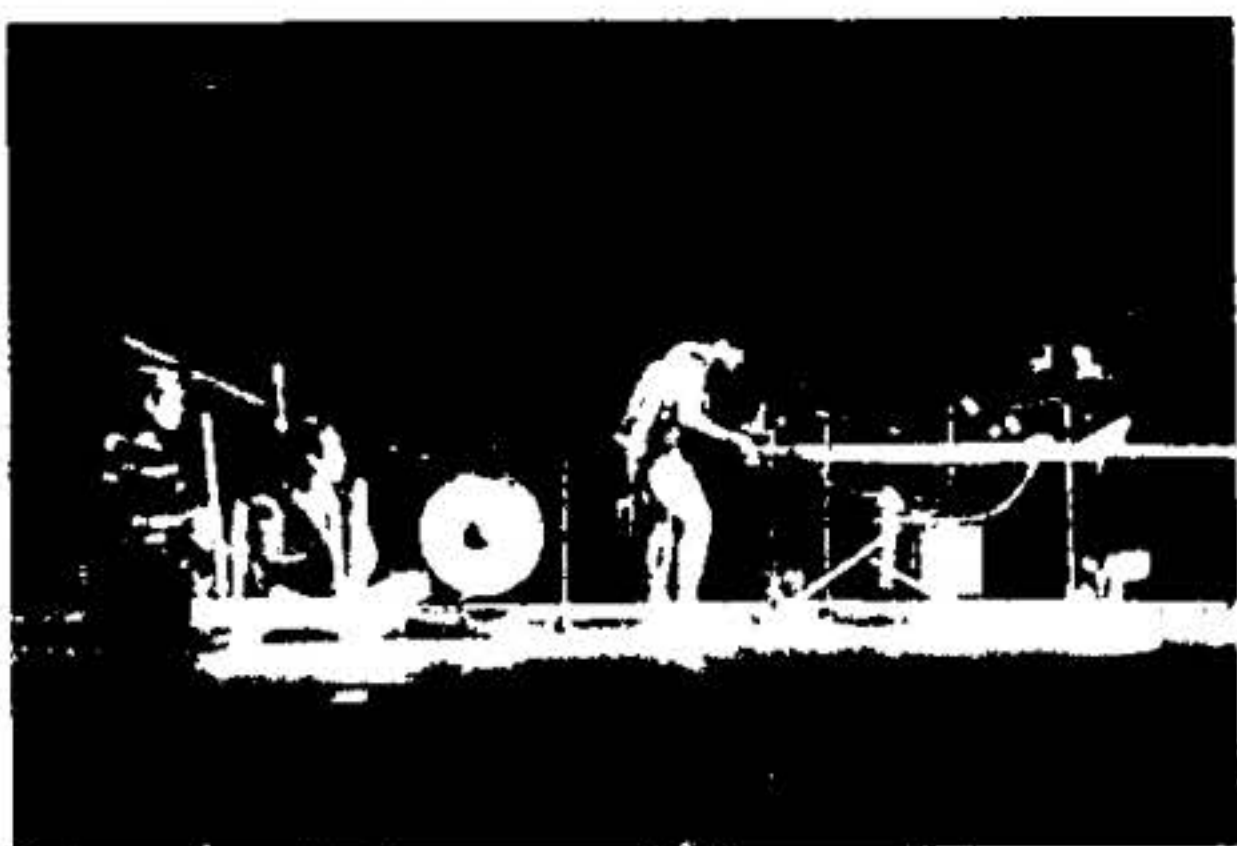
Việt Nam has fifty-four different ethnic groups, with the Kinh representing about eighty-five percent of the population. Each ethnic group has its own language and culture, including its own music.

The Môn-Khmer of Trường Sơn Mountain Range and the Central Highlands play all four types of musical instruments. Their idiophones include many types of wooden bells, bronze gongs, cymbals, and wind chimes made of thin sheets of bamboo as well as prehistoric rock drums and the *t'rung*, which is made of bamboo tubes. Their membranophones made from skin stretched over a wooden resonator are smaller than those of their Austronesian neighbors. Aerophones include the *kloong put*, various kinds of mouth organs, the side-blown horn, the flute, and side-blown flute. They played chordophones with fingers or a bow.

The Mường people possess a rich musical tradition and a great variety of musical instruments. These include side-blown flutes, panpipes, oboes, two-stringed violas, bronze bells and drums, and percussion instruments. They play their instruments alone or accompanied by songs and dances in three types of ensembles. The first has a side-blown flute, panpipe, oboe, two-string viola, three gongs, and a bronze drum and plays for festivals, in particular for *Tết* (Lunar New Year). The second has three gongs and a bronze drum and plays for funerals. The third has twelve girls

CÂY TRE

nhạc thứ hai có ba cái chiêng, một cái trống đồng, để cho các đám ma. Đàn nhạc thứ ba có mười hai cô gái chơi



mười hai cái cồng - hai cái cồng chát (âm cao), sáu cái cồng boong beng (âm trung), và bốn cái cồng dăm (âm trầm) - vào Ngày hội Xéc Bùa mùa xuân. Cồng dăm để đánh nhịp, còn cồng boong beng và cồng chát dùng để đánh giai điệu.

Nhạc cụ của người dân tộc nhóm Tạng-Miến ở Việt Nam cũng rất đa dạng và độc đáo. Nhạc cụ bộ hơi của nhóm dân tộc này là kỳ lạ nhất. Một trong số đó làm từ một chiếc lá ổi cuộn vào bên trong một ống tre thon thon.

Các cô gái dân tộc Hà Nhì trẻ trung thường chơi một loại sáo tre có hai lưỡi gà nối với nhau và năm hoặc sáu cái lỗ. Các cô còn chơi am ba, là một cọng rơm chẻ một đầu, dùng bàn tay làm bầu âm.

Đàn ông Lô Lô thường chơi đàn hồ, đàn nhị có bầu âm tròn. Đàn ông Hà Nhì chơi đàn tam, dùng bộ tăng âm làm từ thân cây khoét rỗng bọc ngoài bằng những miếng tre lạng mỏng mài bóng. Họ còn dùng trống bọc da, chũm chọe, cồng chiêng và đánh trống đồng trong các đám ma. Chỉ những người đàn ông chưa có vợ hoặc đàn ông có vợ không mang bầu mới được chơi trống đồng. Người biểu diễn chôn trống dưới đất, chỉ mang ra sử dụng khi có đám.

who play twelve gongs - two *chát* gongs (high toned), six *boòng beng* gongs (middle toned), and four *dàm* gongs (low toned) - for the *Xéc Bùa* Festival in the spring. The *dàm* gongs provide the rhythm, while the *boòng beng* and *chát* gongs carry the melody.



The musical instruments of the Tibeto-Burmese people in Việt Nam are also diverse and unique. Their wind instruments are the most unusual. One such instrument is made from a simple guava leaf, which is rolled inside a piece of tapered bamboo.

Young Hà Nhì girls often play a bamboo flute that has two joined reeds and five or six holes. They also play the *am ba*, a piece of thatch split at the end with the hands serving as a resonator.

Among the Lô Lô, men usually play the two-string viola and the two-string violin, which has a round resonator. Among the Hà Nhì, men play the tri-chord and use a sound amplifier made from a hollow tree trunk covered with thin sheets of polished bamboo. They also use skin-covered drums, cymbals, and gongs and play bronze drums at funerals. Only bachelors or men whose wives are not pregnant play these drums. The performers keep the drums underground and take them out only for funerals.

Nhạc cụ tre được dùng trong lễ nghi tôn giáo và hội hè như thế nào?

Người dân tộc Gia Rai, Êđê và Gié Triêng dùng hai loại đình tút (thuộc bộ hơi), một cho nam giới, một cho nữ giới. Đình tút của nữ giới thì nhỏ hơn. Người ta chỉ chơi đình tút trên nương hoặc ở nhà rông vì tin rằng đình tút đánh thức hồn lúa, làm cho lúa lớn nhanh và tươi tốt. Hồn lúa là nữ. Nếu một nam giới chơi đình tút thì hồn lúa sẽ tỉnh giấc và bỏ chạy vì thẹn thùng. Thế nên một nam giới chơi đình tút thì phải cải trang thành nữ giới.

Klông-pút là một nhạc cụ bộ hơi khác, gồm năm ống nứa lớn dài ngắn khác nhau, cho âm thanh trong trẻo. Ống làm bằng các loại tre khác phải mỏng, đường kính từ 5-8 cm và dài từ 60-120 cm. Người biểu diễn đặt klông-pút song song với mặt sàn và vỗ hai bàn tay khum khum phía trước ống. Áp lực không khí thoát ra trong khi vỗ tay sẽ tạo ra âm thanh. Chỉ có nữ giới mới chơi klông-pút. Dân địa phương tin rằng lúa sẽ lớn nhanh hơn nếu một nữ giới chơi klông-pút trên đất đã gieo trồng.

Người dân tộc Gia Rai có lẽ là người chế ra chiếc đàn t'rưng đầu tiên, gần giống với đàn xylôphôn (mộc cầm). Đàn t'rưng rất phổ biến ở các dân tộc Ba Na, Xơ Đăng, Rơ Ngao (thuộc nhóm Ba Na), Gié Triêng và Rơ Măm. Đàn t'rưng - hay còn được gọi là klơng, klới - gồm một số ống tre lớn có độ dài từ 40-70 cm. Đàn t'rưng phổ thông gồm năm ống được hai sợi dây buộc thành một đàn. Khi chơi, người ta buộc hai

How are bamboo instruments used in religious ceremonies and in festivals?

The Gia Rai, Êđê and Giẻ Triêng ethnic groups use two types of *đinh tút* (aerophone), one for female players and one for males. The women's instrument is smaller. People play the *đinh tút* only in their fields or communal houses, for they believe the instrument wakes up the soul of the rice and makes the rice grow fast and well. The rice soul is female. If a male player performs the *đinh tút*, the rice soul will awaken and flee because of shyness. Thus, a man playing the *đinh tút* must disguise himself as a woman.

The *kloong put* is another wind instrument with five big pipes of various lengths made from *nứa*, a naturally thinner bamboo, which gives the instrument its clarity of sound. Pipes made from other bamboos must be thin-walled with a diameter of five to eight centimeters and a length of sixty to 120 centimeters. Performers place the *kloong put* parallel to the floor and clap their hands in front of the tubes. Air pressure released during the clapping creates the sound. Only women play the *kloong put*. Local people believe rice will grow faster if a woman plays the *kloong put* on the cultivated land.

The Gia Rai ethnic minority may have made the first *t'rưng*, which is similar to the xylophone and is also very popular among the Ba Na, Xơ Đăng, Rơ Ngao (of the Ba Na group), Giẻ Triêng, and Rơ Măm. The *t'rưng*, which is often called a *klơng* and *klới*, has several big bamboo pipes with lengths ranging from forty to seventy centimeters. The popular *t'rưng* has five pipes bound into a set and two sets of strings. The

dầu dây ở phía có ống ngắn nhất vào thân cây hoặc một cái cột, còn hai đầu dây kia thì buộc vào thân mình. Người chơi sau đó dùng hai thanh gỗ gõ lên thân ống để tạo âm thanh.

Chỉ nam giới mới chơi đàn t'rưng, và chỉ chơi trên rẫy, không bao giờ được chơi trong một khu vực dân cư hoặc trong nhà. Dân địa phương tin rằng mỗi ống t'rưng chứa các thần linh nhỏ bé giúp họ đuổi sâu bọ và bảo vệ mùa màng. Cũng như vậy, người ta tin rằng nếu chơi đàn t'rưng trong nhà hoặc khu vực dân cư sẽ làm cho gia súc sợ hãi mà không lớn lên và sinh sôi, nảy nở được.

Sáo ngang của người Kinh và các dân tộc khác có một lỗ thổi và sáu lỗ bấm. Âm điệu của sáo ngang vui tươi, du dương, vang xa, gợi hình ảnh đồng quê bát ngát. Sáo có nhiều công dụng trong cuộc sống hằng ngày: thổi khi chăn trâu trên đồng cỏ, khi thủ thỉ với người yêu dưới ánh trăng, khi mua vui cho người khác trong ngày lễ hội. Người Cơ Tu cũng có cây sáo ngang giống như thế, được thổi trong lúc nghỉ ngơi hay khi chuyện trò yêu đương.

Người Ba Na làm sáo alal từ một ống nứa nhỏ rỗng hai đầu, đường kính 1,5 cm và dài khoảng 20 cm. Họ khoét một lỗ hình chữ nhật nhỏ ở một đầu ống nứa và bịt nó lại bằng một mảnh đồng dát mỏng tạo một lưỡi gà. Người chơi cầm ngang nhạc cụ và đưa sáo vào miệng sao cho phần lưỡi gà nằm gọn trong miệng. Như thế, toàn bộ hơi sẽ được thổi liên tục vào ống sáo. Một tay người chơi bịt-mở thật nhanh một đầu sáo alal để tạo ra âm thanh lách.

Sáo Avơl dài gấp đôi sáo alal. Avơl được bịt

performer ties the two string ends at the shortest pipe to the base of a tree or a post and the other two ends to his body. He then knocks on the pipes with two pieces of wood to create sounds.

Only men play the *t'rưng* and only in the fields, never in a residential area and never in a house. Local people believe each pipe of the *t'rưng* shelters tiny spirits, who drive away pests and protect the crops. Similarly, people believe that a *t'rưng* played in the house or residential area will frighten the livestock, hampering their growth and reproduction.

The *sáo ngang*, a horizontal flute of the Kinh (Việt) people and other ethnic groups, has one hole for blowing and six finger holes. The *sáo ngang* produces a joyful, melodious, and resonant sound that conjures up the image of a vast countryside. It has a variety of uses in everyday life and is played while tending buffalo in the meadows, while whispering to a lover in the moonlight, and while entertaining others at festivals. The Cơ Tu ethnic group has a similar horizontal flute, which musicians play when resting or speaking of love.

The Ba Na minority group makes its *alal* flute from a small *nứa* bamboo pipe that is open at both sides and has a diameter of one and a half centimeters and a length of approximately twenty centimeters. The Ba Na cut a small, rectangular hole at one end and seal it with a thin copper plate to make a reed. The performer holds the *alal* horizontally and puts it to his mouth in such a way that the reed is totally in his mouth. In this way, all the air blows continuously through the pipe. With one hand, the player rapidly closes and opens the other end of the *alal* to create alliterating sounds.

The *avơl* is twice as long as the *alal*. One end

kín một đầu, lưỡi gà được gắn trong một lỗ ở phần cuối ống sáo có đầu bịt kín. Thân sáo avơl có từ 2-4 lỗ ở phần cuối. Người chơi thổi như thổi alal, bấm các lỗ để tạo ra những âm thanh mà mình mong muốn. Chỉ nam giới mới chơi sáo alal và avơl. Người ta hay thổi 2 loại sáo này cho hát đối.

Khèn, loại sáo nổi tiếng, phổ biến ở hầu hết các dân tộc của Việt Nam. Mỗi dân tộc có cách gọi tên và cách làm ra cây khèn hơi khác nhau một chút. Khèn bè có số ống chẵn (từ 6-14 ống) chia thành các cặp với độ dài ngắn khác nhau. Các cặp được xếp theo đường thẳng kề nhau, xuyên qua bầu khèn bằng gỗ mềm và nhẹ. Ống có độ dài khác nhau tạo ra âm thanh khác nhau. Âm sắc chung của khèn bè là sinh động và êm dịu.

Khèn của người H'mông có sáu ống tre dày được sắp đặt trong một bầu gỗ. Trong đó có một ống có đường kính dài 3 cm và gồm hai lưỡi gà. Người Êđê có một loại khèn khác gọi là *đinh năm*, sử dụng trong Lễ Bỏ Mả. Người Xa Phó có *khèn ma nhí*. Dân nhạc cung đình của người Việt xưa có loại khèn gọi là *sinh* hay *sênh*. Theo truyền thống, trong tất cả các nền văn hóa này nam giới chơi khèn đệm cho hát hoặc hát đối tại các lễ hội.

Nhiều nhạc cụ làm bằng tre đã được gìn giữ và phát huy ở Việt Nam. Các nghệ sĩ đã nghiên cứu về các kỹ thuật bảo quản và các phương pháp khác nhau xử lý tre để đạt độ bền cao hơn. Các nhạc sĩ Việt Nam đang thử nghiệm để tăng chất lượng âm thanh của các nhạc cụ tre và làm cho âm sắc đa dạng hơn để có thể diễn tấu các

• is closed, with the reed in a hole in the sealed end. The *avơl* has between two and four holes at its base. The performer plays it like the *alal* and covers the holes to create the desired sounds. Only men play the *alal* and the *avơl*. They commonly play them in alternative singing.

The *khèn*, the well-known panpipe, is popular among most of Việt Nam's ethnic groups. Its name and construction vary slightly among the groups. The *khèn bè* has an even number of pipes (from six to fourteen) divided into pairs with each pair a different length. The pairs are arranged in adjacent lines and run through the *khèn* box, which is made of soft, light wood. Pipes of different lengths create different sounds. The overall effect of the *khèn bè* is a crisp, thin sound.

The H'mông have a *khèn* with six thick-walled bamboo pipes set in a wooden box. One pipe is three centimeters in diameter and has two reeds. The Ê đê have another variation of the *khèn* called the *đinh năm*, which they play at Grave-Leaving Ceremonies. The Xa Phó have the *khèn ma nhí*. The Royal Orchestra of the Old Việt had a type of *khèn* known as the *sinh* or *sênh*. Traditionally, in all these cultures, men play the *khèn* to accompany singing or alternative singing at festivals.

Many instruments made of bamboo have been preserved and promoted in Việt Nam. Artists have studied preservation techniques and different methods of treating bamboo for higher durability. Vietnamese musicians are experimenting with improving the sound quality of bamboo instruments and increasing the musical range so they can perform more

bản nhạc phức tạp hơn. Các nhạc công chơi không-pút, t'rưng, sáo H'mông, sáo ngang và khèn bây giờ đã trình diễn được nhạc dân tộc với các giai điệu phức tạp hơn, do đó thu hút được nhiều khán thính giả hơn.

Người nhạc công và một nhạc cụ bằng tre chỉ là một thí dụ về việc con người và thiên nhiên hòa quyện với nhau như thế nào. Người Việt Nam thuộc nhiều dân tộc nói rằng tre có một vị thần linh giúp bàn tay con người tạo nên những nhạc cụ có tiếng nói huyền diệu để người các dân tộc có thể giải bày các ước vọng và những lời than vãn của mình.

Tre làm đẹp cho cảnh quan đô thị như thế nào?

Ở nông thôn, tre đang nhường chỗ cho các loại vật liệu hiện đại. Người ta xây nhà mới bằng gạch, đá và bê tông, và mua sắm đồ đạc làm bằng nhựa hoặc gỗ.

Tuy nhiên, ở các trung tâm đô thị thì lại đang có một xu hướng ngược lại. Ngày nay, các nhà xây dựng các tòa văn phòng tráng lệ và các ngôi nhà đất tiền dùng tre để làm sàn, trần, tường trông thật hấp dẫn. Rất nhiều các quán bar và nhà hàng sử dụng cây tre và đồ trang trí bằng tre để tạo nên một bầu không khí hoài cổ. Nhà xuất bản Thế Giới đã xây một căn-tin cho cán bộ nhân viên bằng tre thật mộc mạc ở tầng trên cùng. Thế nên cảnh thường thấy là nhân viên và khách khứa thường thích gặp gỡ trên căn-tin hơn là ngồi trong các phòng họp trang trọng.

complicated music. Musicians using instruments such as the *kloong put*, *t'ưng*, H'mông flute, *sáo ngang*, and the *khèn* now perform folk music with more complex melodies, thus appealing to a wider audience.

The musician and a bamboo instrument are just one example of how people and nature are intertwined. Vietnamese from many ethnic groups say that bamboo harbors a god who helps human hands create instruments with mystical voices so that people from Việt Nam's various ethnic groups can express their desires and laments.

How can bamboo enrich the urban landscape?

In the countryside, bamboo is giving way to modern materials. People build new houses from bricks, rocks, and concrete. They buy furniture made of plastic or wood.

However, a reverse trend is happening in urban centers. Now, builders of fancy offices and high-priced houses use bamboo for attractive floors, ceilings, and walls. Many bars and restaurants use bamboo trees and bamboo decor to create a nostalgic ambience. Thế Giới (World) Publishers created a staff canteen with rustic bamboo on its top floor. The setting has become so popular that staff and visitors often prefer to meet in the canteen rather than in more formal conference rooms.

Nhà riêng của Đại sứ Bỉ nằm ở góc phố Bà Triệu và Hồ Xuân Hương là một trong những thí dụ về nhà tranh đẹp nhất ở Hà Nội. Nhưng tiếc là ít ai được chiêm ngưỡng ngôi nhà này vì nó nằm trong một khuôn viên ngoại giao. Khu du lịch Hồ Tây có hai khu nghỉ làm bằng tre. Khu thứ nhất là một câu lạc bộ câu cá ở làng hoa Quảng Bá, gồm ba chục chiếc lán tre dựng trên cọc trên mặt hồ. Khu nghỉ nằm trên một hòn đảo trên đó có một trong những ngôi nhà tre lớn nhất Hà Nội. Một cây cầu dài 100 mét nối bờ với hòn đảo, từ đó nhìn ra được Hồ Tây mênh mông với khách sạn Tây Hồ và khu biệt thự Quảng Bá. Khu thứ hai là một khu làng gồm 30 nhà hàng làm bằng tre và trải dài trên ba kilômét dọc bờ phía đông của Hồ Tây. Mỗi nhà hàng có thể tiếp từ một tới 200 thực khách.

Tre đã trở thành một loại vật liệu được các nhà thiết kế nội thất ưa thích để làm ra những chiếc ghế, bàn và giường bằng tre hiện đại trông giản dị và tao nhã. Hà Nội có một số nhà hàng dùng bàn ghế tre. Nhà hàng Vườn Thanh niên nằm trên tầng hai nhà số 4 Phố Tràng Tiền là một ví dụ đẹp như tranh về một cơ sở kinh doanh dùng đồ trang trí bằng tre để tạo nên một bầu không khí yên ả.

BAMBOO

The Belgian ambassador's residence at the corner of Bà Triệu and Hồ Xuân Hương Streets is one of the most beautiful examples of a bamboo house in Hà Nội. Unfortunately, few people can admire the house since it is in a diplomatic compound. The West Lake tourist area has two resorts built from bamboo. One, a fishing club at Quảng Bá Flower Village, has thirty small bamboo bungalows on stilts above the water. The resort is on an island with one of Hà Nội's largest bamboo houses. A 100-meter bridge links the mainland to the island with its views of vast West Lake, the Tây Hồ Hotel and the Quảng Bá villas. The second resort is a village of thirty restaurants built of bamboo and stretching for three kilometers along West Lake's eastern bank. Each restaurant can host from one to two hundred guests.

Bamboo has become a favourite material of interior designers creating modern bamboo chairs, tables, and beds that are simple and elegant. Hà Nội has several restaurants with bamboo furniture. The Youth Garden restaurant on the first floor of No. 4 Tràng Tiền Street is a picturesque example of a business with bamboo decor to create a serene atmosphere.

Tre có vai trò như thế nào trong truyền thống mỹ thuật Việt Nam?

Đôi mắt ông Nguyễn Kim Xuân sáng lên mỗi khi cuộc trò chuyện chuyển sang đề tài tre. Ông học ngành chế biến lâm sản ở Praha năm 1972 và trở về Việt Nam làm việc trong một nhà máy sản xuất đồ gỗ. Ông nói về những rặng tre thời



thơ ấu, những hàng rào ở làng, những mái nhà tranh, đồ đạc trong nhà và những mảnh cửa sổ. Cả cuộc đời, ông chỉ muốn làm việc với tre.

Ông Xuân sống ở ngoại thành Hà Nội, trên một con đường nhỏ bao quanh bởi một con đê, những cánh đồng xanh tốt và dòng sông Đuống. Bầu không khí thật thôn dã tuy chỉ cách thành phố có mười phút đi xe. Cổng dẫn vào trong sân, đó là nhà ông ở và hai khối nhà, một trong hai khối đó là phòng tranh lớn với gần một trăm bức tranh sơn mài. Đồ sơn mài đã có ở Việt Nam gần bốn nghìn năm nay. Đôi khi các họa sĩ gắn vỏ trứng, vỏ sò hay vàng bên dưới lớp sơn mài. Tre, một biểu tượng lâu đời của Việt Nam, có vẻ như là một chất liệu trang trí tự nhiên. Tuy nhiên, ông Xuân là người đầu tiên nghĩ đến sự kết hợp sơn mài truyền thống với tre.

Ông làm bức tranh sơn mài khảm tre đầu tiên vào năm 1988. Ông nói: "Tôi nghĩ sơn mài là một

How is bamboo part of Việt Nam's artistic tradition?

Mr. Nguyễn Kim Xuân's eyes light up whenever the conversation turns to bamboo. He studied forest product processing in Prague during 1972 and returned to Việt Nam to work in a factory making wooden furniture. He talks



about the bamboo groves of his childhood, the village hedges, the thatched roofs, the furniture, and the window screens. All his life, Mr. Xuân has wanted to work with bamboo.

Mr. Xuân lives outside Hà Nội on a side road bordered by a dike, green fields, and the Đuống River. The ambiance is rural although the site is only a ten-minute ride from the city. His gate leads into a courtyard with his house and two buildings, one of which is a large art gallery with nearly a hundred lacquer paintings. Lacquer ware has existed in Việt Nam for nearly 4,000 years. Sometimes artists paste egg shells, sea shells, or gold under the lacquer. Bamboo, an age-old symbol of Việt Nam, would seem a natural decorative material. However, Mr. Xuân was the first person to think of combining traditional lacquer and bamboo.

Mr. Xuân made his first lacquer painting with bamboo in 1988. "I thought that lacquer was a

thể loại mỹ thuật truyền thống của Việt Nam, và tre là một loại vật liệu truyền thống, nên điều này có vẻ là tự nhiên." Sau khi tự mình làm thử vài bức, ông Xuân rủ các họa sĩ khác cùng tham gia. Ông nghiên cứu hàng nghìn mẫu tre để mày mò tìm ra một phương pháp xử lý tre chống mối mọt và giữ nguyên được màu sắc và kết cấu tự nhiên của nó.

Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội biết đến tài nghệ của ông Xuân vào năm 1994 và đã hỗ trợ ông với dự án "Phát triển kỹ thuật Sản xuất Các sản phẩm bằng tre để xuất khẩu." Sở giúp ông tập trung vào khía cạnh khoa học trong kỹ thuật hội họa của ông. Ông Xuân tự điều hành dự án và đã dành nhiều năm qua để hoàn thiện nghề của ông.

Hầu hết những thanh niên làm việc trong xưởng của ông là trẻ em mồ côi hoặc trẻ em thiệt thòi. Ông có sáng kiến là dạy cho các em một nghề và cho các em một nơi để sinh sống. Ông cũng đào tạo thợ thủ công đến từ các vùng khác. Mới đây, tỉnh Bắc Cạn gửi hai mươi thanh niên đến cho ông đào tạo để tỉnh có thể phát triển nghề làm tranh sơn mài khảm tre.

Đến nay ông Xuân có một đội năm mươi nghệ sĩ - kỹ thuật viên chuyên cắt tre thành những miếng nhỏ rồi ghép vào các ô đã vẽ sẵn để làm ra những bức tranh thành phẩm. Sáu nghệ sĩ thiết kế cảnh trên tranh và giám sát công việc khảm. Tranh mô tả những hình ảnh truyền thống của Việt Nam như đám cưới chuột, hứng dừa, cây đa, bến nước, đình làng. Ông Xuân bán tranh khảm tre cho hơn sáu mươi nước.

traditional Vietnamese art form and bamboo was a traditional material, so it seemed natural," he said. After Mr. Xuân tried a few different pieces on his own, he invited other artists to join in the process. Mr. Xuân studied thousands of bamboo samples to develop a method of treating the bamboo to resist termites and preserve its natural colours and textures.

Hà Nội's Department of Science and Technology learned of Mr. Xuân's skills in 1994 and backed him with their project, "Developing Techniques for Manufacturing Bamboo Products for Export." The department helped him focus on scientific aspects of his artistic technique. Mr. Xuân managed the project himself and has spent the past few years perfecting his craft.

Most of the young people in Mr. Xuân's workshop are orphans or disadvantaged children. His initiative has given them a vocation and a place to live. He has also trained craft workers from other areas. Recently, Bắc Cạn Province sent him twenty youths for training so that Bắc Cạn can develop its own lacquer crafts with inlaid bamboo.

Today, Mr. Xuân supports a team of fifty artist-technicians, who cut the bamboo and fit it into mosaic grid sketches for the final pictures. Six artists design the scenes and supervise the work. Pictures portray traditional Vietnamese images, such as the rat's wedding, picking coconuts, banyan trees, river wharves, and communal houses. Mr. Xuân sells lacquer art with bamboo in more than sixty countries.

Tre được dùng trong thế giới thời trang như thế nào?

Có phải các nhà thiết kế thời trang ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đang mệt mỏi với thời trang nước ngoài tinh xảo? Đôi khi họ nhìn về quá khứ để tìm ý tưởng, trong đó tre cũng là một nguồn cảm hứng. Trang phục và đồ phụ kiện bằng tre vẫn còn mới mẻ và còn giới hạn trên sàn diễn thời trang. Dưới đây là một thí dụ về các người mẫu trẻ gần như chỉ toàn vận trang phục làm từ tre như váy trang trí bằng tre, ô, mũ, giỏ.

Thánh Gióng trong truyền thuyết dùng tre đánh giặc ngoại xâm như thế nào?

Ngày xưa ngày xưa, Gióng được một người mẹ còn trinh bạch sinh ra. Mẹ Gióng thụ thai sau khi uống nước đọng trong những vết chân lớn trên đá. Bà đã làm việc cả ngày ở ngoài đồng và vô cùng khát nước. Gióng là một em bé lạ lùng, chẳng nói chẳng cười suốt ba năm đầu tiên. Lúc đó kẻ thù đến xâm lược và Việt Nam lâm nguy mất nước. Nhà vua phái một sứ giả đi tuyển quân. Gióng lần đầu tiên cất tiếng nói, bảo sứ giả lấy cho mình bộ áo giáp, một cây gậy và một con ngựa, tất cả đều làm bằng sắt.

Ngay khi sứ giả vừa đi khỏi, Gióng nói với mẹ nấu cơm cho mình. Gióng ăn rồi lớn như thổi. Người làng mang thật nhiều đồ ăn đến cho Gióng. Khi sứ giả quay lại thấy Gióng đã trở thành một người khổng lồ. Gióng mặc bộ áo giáp vào và nhảy lên con ngựa sắt. Con ngựa nhảy chồm lên thành một con ngựa thật. Gióng cười

How is bamboo used in the fashion world?

Are fashion designers in Hà Nội and Hồ Chí Minh City getting tired of sophisticated foreign fashion? Sometimes, they turn to the past for ideas including bamboo as a source of inspiration. Bamboo garments and accessories are still new and limited to the catwalk. Here is an example of young models almost completely clad in bamboo attire, with bamboo-decorated dresses, umbrellas, hats, and baskets.

How did legendary Gióng use bamboo to fight foreign invaders?

Long, long ago, Gióng was born to a virgin mother who became pregnant after she drank water from large footprints on the rock. She had been working in the fields all day and was extremely thirsty. A strange child, Gióng did not speak or smile his first three years. Then the enemy invaded, and Việt Nam was losing. The king sent a messenger to recruit soldiers. Gióng spoke for the first time, telling the messenger to fetch him armor, a spear, and a horse, all made of iron.

As soon as the messenger left, Gióng asked his mother to cook him some rice. He ate and grew, ate and grew. Villagers brought him food and more food. The messenger returned to find that Gióng had turned into a giant. Gióng put on the armor and jumped onto the iron horse, which sprang to life. He rode out of his village.

ngựa ra khỏi làng. Tuy nhiên; cây gậy sắt của Gióng bị gãy lúc giao chiến. Gióng nhìn quanh, chỉ thấy mỗi tre, bèn nhổ mấy cây tre làm gậy chiến đấu và đã đánh bại quân thù. Rồi Gióng cưỡi ngựa về trời.

Vai trò của tre trong lịch sử quân sự Việt Nam như thế nào?

Trong lịch sử ba nghìn năm, người Việt Nam đã dùng tre như một phương tiện chính để chiến đấu chống ngoại xâm. Vũ khí bằng tre giúp người Việt Nam giành chiến thắng trong trận chiến hồi thế kỷ 13 với quân Mông trên sông Bạch Đằng.

Năm 1789, đội quân của Quang Trung từ Huế tiến ra Thăng Long (nay là Hà Nội) trong một thời gian kỷ lục vì quân lính đi mà không dừng lại. Họ chia thành các nhóm ba người, cứ hai người khiêng người thứ ba nằm ngủ trong một chiếc võng buộc vào hai đầu đòn gánh. Quang Trung đã đánh bại đội quân xâm lược hai trăm nghìn người của Triều đại nhà Thanh.

Từ năm 1886 đến năm 1887, những người yêu nước Việt Nam dùng tường tre và chông tre ở căn cứ Ba Đình thuộc tỉnh Thanh Hóa để chống lại những cuộc tấn công dữ dội của người Pháp.

Người Việt Nam chiến đấu chống lại người Pháp trong gần 60 năm. Đầu năm 1945, người Nhật lật đổ chính quyền thực dân Pháp. Tháng 9 năm 1945, tại Hà Nội Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập. Tuy nhiên, lúc này người Pháp đã đổ bộ vào miền Nam Việt Nam. Du kích Việt Nam đã chiến đấu chống lại với các vũ khí làm bằng tre như cung tên, chông và bẫy. Chẳng

However, his iron spear broke during the battle. Gióng looked around and saw only bamboo. He tore off some bamboo trunks and, using them as fighting canes, defeated the enemy. Then Gióng rode off into the sky.

What is the role of bamboo in Vietnamese military history?

During Việt Nam's 3,000-year history, Vietnamese have employed bamboo as a major means in fighting foreign invaders. Bamboo weapons helped determine Vietnamese success in the thirteenth century battle against the Mongols on the Bạch Đằng River.

In 1789, Quang Trung's army marched to Thăng Long (now Hà Nội) from Huế in record time because the soldiers traveled without stopping. They divided themselves into groups of three, with two members of each group carrying the third one, who slept in a hammock tied to bamboo shoulder poles. Quang Trung defeated the 200,000-strong invading army of the Qing Dynasty.

Between 1886 and 1887, Vietnamese patriots used bamboo walls and spikes at the Ba Đình Fortress in Thanh Hóa Province to resist fierce French attacks.

Vietnamese fought the French for nearly sixty years. In early 1945, the Japanese toppled the French colonial administration. In September 1945, Hồ Chí Minh declared Việt Nam's independence in Hà Nội. However, the French were already landing in southern Việt Nam. Vietnamese guerrillas fought back with bamboo

bao lâu sau chiến tranh đã lan ra khắp cả nước và kéo dài trong chín năm.

Sự sụp đổ của cứ điểm của người Pháp ở Điện Biên Phủ ngày mùng 7 tháng 5 năm 1954 làm rung chuyển thế giới, gióng lên tiếng chuông báo tử cho chủ nghĩa thực dân. Hàng nghìn người Việt Nam dùng đòn gánh tre gánh gạo, muối, vũ khí trong các thúng bằng tre. Họ lắp giá vào xe đạp thô, đẩy hàng trăm kilôgam qua hàng trăm kilômét tới Điện Biên Phủ. Người Việt Nam dùng sọt tre như là phương tiện chở đất khi làm đường. Người lính Việt Nam vượt sông trên những chiếc thuyền tre. Họ dùng thang tre để leo qua các vách núi dựng đứng, rồi dùng thang tre vượt qua hàng rào vòng ngoài để leo vào bên trong căn cứ của Pháp. Họ dùng nẹp tre cố định xương gãy, dùng cáng tre để chuyển thương binh. Ban nhạc quân đội chào mừng chiến thắng Điện Biên Phủ có bốn chục cây sáo tre.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, những người yêu nước Việt Nam cũng dùng những phương tiện tương tự làm bằng tre trên đường mòn Hồ Chí Minh. Họ chở tiếp tế quân sự trên những chiếc thuyền tre trên đường mòn Hồ Chí Minh trên biển.

weapons, including bows and arrows, stakes, and traps. The war, which soon spread to the entire country, lasted nine years.

The collapse of the French stronghold at Điện Biên Phủ on 7 May 1954 shook the world, sounding the death knell for colonialism. Thousands of Vietnamese used bamboo shoulder poles to carry rice, salt, and weapons in bamboo baskets. They attached platforms to pack bicycles and pushed hundreds of kilos hundreds of kilometers to Điện Biên Phủ. The Vietnamese used bamboo baskets as their earth-moving equipment when building roads. Vietnamese soldiers crossed rivers on bamboo barges. They used bamboo ladders to climb steep cliffs and then used bamboo ladders to cross the perimeter and enter the French base. Vietnamese immobilized broken bones with bamboo splints and carried their wounded on bamboo stretchers. The military band welcoming the Điện Biên Phủ victory included forty bamboo flutes.

During the American War, Vietnamese patriots used the same techniques with bamboo on the Hồ Chí Minh Trail. They shipped military supplies in bamboo sampans on the Hồ Chí Minh Trail on the Sea.

Truyện dân gian nổi tiếng nhất về tre: "Cây tre trăm đốt".

Ngày xưa có một lão nhà giàu nhưng độc ác. Lão chẳng bỏ lỡ một cơ hội nào để bóc lột người làm. Những việc làm tham lam của lão khiến lão tích cóp được nhiều của cải nhất trong vùng. Người con gái út của lão chưa có chồng.

Khoai, một trong những người làm, không có gia đình và đã làm việc cho lão nhà giàu từ khi còn bé. Lão sợ Khoai có thể bỏ đi và tìm việc ở nơi khác. Khi Khoai gần mười tám tuổi, lão cho gọi Khoai đến và nói: "Nếu con chịu khó làm việc đêm ngày thì ta sẽ gả con gái cho."

Khoai ngây thơ bao nhiêu thì lão chủ xảo quyết bấy nhiêu. Khoai làm việc chăm chỉ suốt ba năm trời, quán xuyến mọi công việc trong nhà. Trong lúc đó, Út, cô con gái của lão chủ, ngày một xinh đẹp. Một tên quan huyện rất giàu có hỏi cô cho con trai mình. Lão nhà giàu quên mất lời hứa với Khoai, mà thực ra thì lão cũng chưa bao giờ có ý định giữ lời hứa cả, và đồng ý tức thì. Hai gia đình chuẩn bị làm lễ cưới.

Khoai trách lão chủ đã không giữ lời hứa. Lão chủ định cho Khoai một trận đòn nên thân song lại tự nhủ: "Khoai vẫn còn có ích cho ta." Một lần nữa, lão lại nghĩ ra một mưu mẹo.

Lão chủ nói: "Đúng là ta đang chuẩn bị cho hôn lễ của cô út. Nhưng nếu con thực sự muốn lấy nó làm vợ thì hãy lên rừng mang về cho ta một cây tre trăm đốt. Ta sẽ làm ra những đôi đũa đẹp nhất thế gian. Rồi con sẽ cưới Út."

What is the most popular folk tale about bamboo?

"The Bamboo with a Hundred Nodes."

Once there was a man as rich as he was evil. He never missed an opportunity to exploit his servants. His avaricious practices enabled him to amass the largest fortune in the region. The master's youngest child, a daughter, was not married.

Khoai, one of the servants, had no family and had worked since his childhood for the rich man. The master feared Khoai might leave and find work elsewhere. When Khoai was almost eighteen, the master called him aside, saying, "If you work hard from morning to night, I'll give you the hand of my youngest daughter."

Khoai, as naive as his master was crafty, worked eagerly for three years, tending to all the household tasks. Meanwhile, the master's daughter, Út, grew more beautiful by the day. A very rich district chief asked for her hand in marriage for his son. The rich man forgot his promise to Khoai, which he'd never intended to keep anyhow, and quickly agreed. The two families began to prepare for the ceremony.

Khoai reproached the master for breaking his word. The master wanted to give his servant a good thrashing but instead said to himself, "Khoai can still be of some use to me." Once again, he thought of a ruse.

"It's true that I'm preparing Út's wedding," the master said. "But if you really want to marry her, go to the forest and bring me a piece of bamboo with a hundred nodes. We'll make the most

Khoai lên đường vào rừng. Anh tìm kiếm khắp nơi nhưng chẳng thấy cây tre trăm đốt nào cả. Nản lòng, anh ngồi dưới gốc cây và khóc.

Đột nhiên, một cụ lão hiện lên. "Cháu bé, vì sao cháu khóc?" Cụ hỏi. Khoai kể cho ông cụ nghe câu chuyện của mình. Cụ bảo: "Cháu hãy đi chặt tre. Đếm đủ một trăm đốt rồi mang về đây cho ta."

Khoai liền lên đường, tay vung cây rìu, chẳng mấy chốc đã quay trở về với một trăm đốt tre. Ông cụ cúi xuống, khẽ nói: "Khắc nhập. Khắc nhập". Cụ vừa dứt lời thì một trăm đốt tre, lúc này đang nằm rải rác, liền dính vào với nhau thành một hàng thẳng, tạo nên một cây tre trăm đốt.

Khoai định quỳ xuống dưới chân ông cụ thì Bụt - vì cụ chính là Bụt - đã biến mất. Khoai vác cây tre lên vai. Nhưng làm sao anh có thể vác một cái cây dài như vậy qua cánh rừng rậm? Một lần nữa, anh lại ngồi xuống và khóc nức nở như một đứa trẻ.

Ông cụ lại hiện ra. "Vì sao cháu khóc?" Cụ hỏi. Lần thứ hai, Khoai kể cho cụ nghe về khó khăn của mình. Đặt bàn tay bên trên cây tre, cụ khẽ nói: "Khắc xuất. Khắc xuất."

Cây tre liền rời ra thành trăm đốt. Khoai buộc các đốt tre thành hai bó rồi vác về nhà lão chủ.

Lúc về tới nơi, Khoai thấy hai gia đình đang ăn tiệc cưới. Thức ăn và quà tặng bày la liệt trên chiếu đang đợi cô dâu đến. Tức quá, Khoai đi tới chỗ lão chủ. Lão chủ trách anh: "Ta có bảo con

beautiful chopsticks in the world. Then you will marry Út."

Khoai left for the forest. He looked and looked but couldn't find any bamboo with a hundred nodes. Discouraged, he sat at the foot of a tree and wept.

Suddenly a venerable old man appeared. "Why are you crying, My Child?" he asked. Khoai told him his story. "Go and cut bamboo!" the man said. "Count a hundred sections and bring them to me!"

Khoai went away, brandishing his axe, and soon returned with the hundred sections. The old man bent down, murmuring, "Unite at once. Unite at once." Scarcely had he uttered these words when the hundred bamboo sections, which lay scattered about, rolled into a line and joined, forming a piece of bamboo with a hundred nodes.

Khoai wanted to throw himself at the old man's feet, but the Buddha - for it was he - had already disappeared. Khoai set his bamboo pole on his shoulder. But how could he carry such a long trunk through the thick woods? Once again, he sat down and wept like a youngster.

Once again, the old man appeared. "Why are you crying?" he asked. For a second time, Khoai told him his troubles. Spreading his hands over the bamboo, the old man repeated softly, "Separate at once. Separate at once."

The bamboo broke into a hundred sections. Khoai loaded the pieces into two bundles and carried them back to his master's house.

When he arrived, he found the two families enjoying a wedding feast. Mats covered with

đi lấy một trăm đốt tre rời đâu mà là một cây tre trăm đốt kia mà!" Khách khứa vung đũa lên, bật cười khinh bỉ.

Khoai cúi xuống, lẩm bẩm: "Khắc nhập. Khắc nhập."

Các đốt tre liền dính vào nhau ngay tức thì, quấn luôn cả lão chủ. Lão chủ vùng vẫy tìm cách thoát ra. Tên quan huyện và cậu con trai cố sức giúp lão chủ, nhưng cây tre khổng lồ quấn luôn cả hai. Hai bố con hấn gào lên vì đau đớn. Khách khứa sợ xanh mặt, ngồi chết lạng tại chỗ. Cuối cùng, họ quỳ trước mặt Khoai, cầu xin tha thứ và nói với Khoai tha cho ba tên có tội kia.

Khoai ngừng lại, nhìn quanh sân rồi lẩm bẩm: "Khắc xuất. Khắc xuất". Cây tre rời ra thành từng đốt, giải thoát cho ba gã đàn ông. Tên quan huyện và cậu con trai bỏ chạy, chẳng buồn đòi lại đồ sính lễ nữa. Thua cuộc, lão chủ phải gả con gái cho Khoai.

dishes and presents awaited the bride. Angry, Khoai went to his master, who reproached him, "I didn't ask for a hundred separate nodes but for one bamboo with a hundred nodes!" The guests, their chopsticks in mid-air, burst into scornful laughter.

Khoai bent down, whispering, "Unite at once. Unite at once."

The bamboo pieces joined instantly, entwining the master, who struggled to free himself. The district chief and his son tried to help, but the giant bamboo entwined them, producing howls of pain. The guests turned pale with terror and remained rooted in place. Finally, they knelt before Khoai, begged forgiveness, and asked him to release the culprits.

Khoai paused, looked around the courtyard, and then murmured, "Separate at once. Separate at once." The bamboo fell, releasing the men. The district chief and his son fled without asking that their bridal gifts be returned. Defeated, the master gave Khoai his daughter's hand in marriage.

Từ vựng

Glossary

Bão	typhoon (n)
Bọc, gói, bó	bundle (n)
Bè nứa	bamboo raft (n)
Biểu tượng, tượng trưng	symbol (n)
Cây đu	bamboo swing (n)
Cầu tre, cầu khỉ	bamboo bridge (n)
Cấu trúc, cơ cấu	frame (n)
Công bố, tuyên bố	declare (v)
Có gai, nhiều gai	thorny (adj)
Có mặt ở khắp nơi	omnipresent (v)
Cong, oằn, vắn vẹo...	crooked (adj)
Cung	bow (n)
Du kích	guerilla (n)
Đàn bầu	monochord (n)
Đàn nguyệt	moon-shaped instrument
Đàn tranh, đàn thập lục	16-string zither (n)
Đào, xới, cuốc	dig (v)
Đồng nghĩa, cùng nghĩa (với)	synonymous (adj)
Đầy khinh bỉ, đầy khinh miệt	scornful (adj)
Để trang hoàng/ làm cảnh	decorative (adj)
Đình làng	communal house (n)
Đòn gánh	shoulder pole (n)
Đũa tre	bamboo chopsticks (n)
Ống sáo, người thổi sáo	flute (n)

Gầu tát nước	water scooper (n)
Gợi lên (ký ức, tình cảm...)	evoke (v)
Hợp nhất, kết hợp chặt chẽ	incorporate (v)
Kẻ cướp, tên cướp	bandit (n)
Khảm, đồ khảm	mosaic (adj + n)
Lật đổ	topple (v)
Lũy tre xanh	bamboo hedge (n)
Măng tre	bamboo shoot (n)
Mái (nhà) tranh	thatched roof (n)
Mõ	wooden bell (n)
Mấu, đốt, mắt (tre)	node (n)
Mũi tên	arrow (n)
Ngâm nga, kể lể	recite (v)
Người am hiểu, người thành thạo	connoisseur (n)
Người theo đạo Khổng, thuộc về nho giáo	Confucian (adj + n)
Người theo đạo Lão	Taoist
Người yêu nước, nhà ái quốc	patriot (n)
Nghệ thuật khắc/ tạc/chạm	carving (n)
Nhà thực vật học	botanist (n)
Nhận xét, quan sát, theo dõi	observe (v)
Nhiều	abundantly (adv)
Nền văn hóa lúa nước	wet-rice culture

Quang (gánh)	strings (n)
Rãnh, mương, hào, hầm	trench (n)
Sơn mài, đồ sơn mài	lacquer (n)
Song song, ngang hàng	parallel (adj)
Sự cắm trại, trại giam	encampment (n)
Sự hoa mắt, sự chóng mặt	dizziness (n)
Thành lũy, sự phòng thủ	rampart (n)
Tính đa dạng (thuộc) Thánh, thần thánh	diversity (n) sacred (adj)
(thuộc) Tiềm thức	subconscious (adj)
Ve vãn, tỏ tình	court (v)
Xà, rầm (nhà)	beam (n)

**NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
THẾ GIỚI PUBLISHERS**

46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 84-4-8253841

Fax: 84-4-8269578

Email: thegioi@hn.vnn.vn

Website: www.thegioipublishers.com.vn

**Cây tre
Bamboo**

Chịu trách nhiệm xuất bản (Director of Publication)
Trần Đoàn Lâm

Họa sĩ thiết kế (Designer)
Ngọc Linh

TỦ SÁCH HỎI ĐÁP VĂN HÓA VIỆT NAM

Phụ trách: Hữu Tiến

In 1500 bản, khổ 10 x18 cm. Tại xưởng in Nhà xuất bản Thế Giới . Giấy chấp nhận đăng ký xuất bản số 72-2008/CXB / 153-255 / ThG, cấp ngày 6/5/2008 .
In xong và nộp lưu chiểu quý II -2008

VIETNAMESE CULTURE FREQUENTLY ASKED QUESTIONS

Cultural scholar Hữu Ngọc and American writer Lady Borton have brought us the first series of bilingual handbooks on Vietnamese culture. These ten books are suitable for Vietnamese studying English and for foreigners studying Vietnamese.

Hữu Ngọc is the author of many books and articles on Vietnamese culture and of *A Handbook for Translators of English*. Lady Borton is the author of *After Sorrow: An American Among the Vietnamese* and was a "Contemporary" on VTV3.

TÊN CÁC SÁCH XUẤT BẢN (PUBLISHED TITLES)

- 1 **Tết Nguyên đán** (Vietnamese Lunar New Year)
- 2 **Phố cổ Hà Nội** (Hà Nội's Old Quarter)
- 3 **Y học cổ truyền** (Traditional Medicine)
- 4 **Tết Trung Thu** (Mid-Autumn Festival)
- 5 **Chèo** (Popular Theatre)
- 6 **Trầu cau** (Betel and Areca)
- 7 **Võ dân tộc** (Martial Arts)
- 8 **Đồ gốm** (Ceramics)
- 9 **Hội họa Việt Nam hiện đại thuở ban đầu**
(Early Modern Vietnamese Painting)
- 10 **Thi cử Nho giáo** (Royal Exams)
- 11 **Ẩm thực xứ Huế** (Huế Cuisine)
- 12 **Phở - Đặc sản Hà Nội** (Phở - A Specialty of Hà Nội)
- 13 **Áo dài - (Áo dài - Women's Long Dress)**
- 14 **Tục lệ cưới xin** (Wedding Customs)
- 15 **Rối nước** (Water Puppetry)
- 16 **Sài Gòn - Hồ Chí Minh City**
- 17 **Kiến trúc Pháp ở Hà Nội**
(Hà Nội: Siftin
Cây tre(A-V)
1401080000799
12,000
12,000 đ
- 18 **Cảnh đẹp thiê**
(Vietnam's N
- 19 **Tre** (Bamboo)
- 20 **Lễ hội mùa**
(Spring Fest
- 21 **Nghệ thuật tuồng Việt Nam**
(Vietnamese Classical Opera)

Giá: 12.000 đ